

BÁO CÁO TỔNG HỢP
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
THỊ TRẤN ĐÌNH LẬP - HUYỆN ĐÌNH LẬP - TỈNH LẠNG SƠN
ĐẾN NĂM 2035



Năm ~~2024~~2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

**THỊ TRẤN ĐÌNH LẬP – HUYỆN ĐÌNH LẬP – TỈNH LẠNG SƠN
ĐẾN NĂM 2035**

CHỦ ĐẦU TƯ

**UBND HUYỆN ĐÌNH LẬP
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY
DỰNG VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ**

BẢNG VIẾT TẮT

UBND tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh
GDP	Tổng sản phẩm nội địa
KCN	Khu công nghiệp
CCN	Cụm công nghiệp
TDTT	Thể dục thể thao
TTCN	Tiểu thủ công nghiệp
NSNN	Ngân sách nhà nước
GTNT	Giao thông nông thôn
BTCT	Bê tông cốt thép
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
CTR	Chất thải rắn
CTRS	Chất thải rắn sinh hoạt
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
VH-TT-HTCĐ	Văn hóa – Thể thao – Học tập cộng đồng
CNTT	Công nghệ thông tin
VHTT	Văn hóa thể thao
QHC	Quy hoạch chung
TMDV	Thương mại dịch vụ
LDPNN	Lao động phi nông nghiệp
CS	Chiếu sáng
QH	Quy hoạch
XD	Xây dựng
VSMT	Vệ sinh môi trường
CTCC	Công trình công cộng
XDCB	Xây dựng cơ bản
QL	Quốc lộ

MỤC LỤC

PHẦN 1. PHẦN MỞ ĐẦU.....	6
1.1. Lý do, sự cần thiết	6
1.1.1. Các căn cứ pháp lý.....	7
1.1.2. Nguồn tài liệu, số liệu.....	10
1.2. Mục tiêu xây dựng Chương trình phát triển đô thị Đình Lập	10
1.2.1. Mục tiêu chung	10
1.2.2. Mục tiêu cụ thể:	10
1.3. Phạm vi nghiên cứu và thời hạn lập Chương trình phát triển đô thị.....	11
PHẦN 2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐÌNH LẬP	12
2.1. Khái quát chung về đô thị Đình Lập	12
2.1.1. Lịch sử hình thành đô thị.....	12
2.1.2. Vị trí, vai trò	13
2.1.3. Đặc điểm tự nhiên.....	14
2.1.4. Tài nguyên thiên nhiên.....	16
2.1.5. Hiện trạng sử dụng đất.....	18
2.1.6. Hiện trạng dân số, lao động	20
2.1.7. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	20
2.2. Thực trạng cơ sở hạ tầng xã hội.....	22
2.2.1. Thực trạng cơ sở hành chính	22
2.2.2. Thực trạng cơ sở Giáo dục - Đào tạo:.....	22
2.2.3. Thực trạng cơ sở Y tế:	23
2.2.4. Thực trạng cơ sở Văn hóa, thông tin, thể thao:	24
2.3. Thực trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật.....	25
2.3.1. Giao thông:	25
2.3.2. San nền thoát nước mưa:.....	26
2.3.3. Cấp điện:	27
2.3.4. Viễn thông:.....	28
2.3.5. Cấp nước:.....	28
2.3.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang	28
2.4. Tình hình phát triển đô thị Đình Lập.....	29
2.4.1. Về công tác quy hoạch và phát triển đô thị.....	29
2.4.2. Công tác đầu tư phát triển hạ tầng đô thị Đình Lập	30
2.4.3. Hiện trạng vốn đầu tư phát triển.....	30
2.5. Đánh giá chung	32
2.5.1. Kết quả đạt được	32
2.5.2. Tồn tại, hạn chế:.....	32
2.6. Đánh giá tổng hợp các tiêu chí của đô thị Đình Lập theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15.....	33
2.6.1. Rà soát đánh giá tiêu chí đô thị Đình Lập	33
2.6.2. Nhận xét, đánh giá tổng hợp.....	38

2.7.	Một số chỉ tiêu quy hoạch đô thị được nghiên cứu trong đồ án quy hoạch.....	40
2.7.1.	Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030	40
2.7.2.	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000	42
2.8.	Xác định các tiêu chí, tiêu chuẩn để đầu tư xây dựng phát triển đô thị.....	50
2.8.1.	Quan điểm.....	50
2.8.2.	Xác định các tiêu chí, tiêu chuẩn để đầu tư xây dựng phát triển đô thị.....	51
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐÌNH LẬP, HUYỆN ĐÌNH LẬP ĐẾN NĂM 2035.....		52
3.1.	Danh mục lộ trình triển khai các khu vực phát triển đô thị.....	52
3.1.1.	Nguyên tắc chung	52
3.1.2.	Các khu vực phát triển đô thị - Thị trấn Đình Lập.....	52
3.1.3.	Lộ trình thực hiện.....	53
3.1.4.	Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được phù hợp với quy hoạch chung đô thị, Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15.....	55
3.1.5.	Xây dựng danh mục dự án hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật. 56	
3.1.6.	Quản lý quy hoạch và phát triển các khu đô thị thị trấn Đình Lập	57
3.1.7.	Chương trình đầu tư hạ tầng đô thị.....	58
3.1.8.	Chương trình đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị.....	59
3.2.	Các dự án thiết yếu cần đầu tư phục vụ phát triển đô thị	61
3.2.1.	Kế hoạch hoàn thiện các tiêu chí phát triển đô thị.....	61
3.2.2.	Các dự án chiến lược.....	61
3.2.3.	Tổng hợp kinh phí, cơ cấu nguồn vốn triển khai thực hiện	64
3.2.4.	Tổng hợp nhu cầu vốn.....	65
3.2.5.	Kế hoạch phân bổ vốn - cơ cấu nguồn vốn:	71
3.3.	Xây dựng các giải pháp về cơ chế, chính sách thực hiện	78
3.3.1.	Giải pháp về nguồn vốn đầu tư:.....	78
3.3.2.	Giải pháp về cơ chế chính sách:.....	79
3.3.3.	Giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư:.....	80
3.3.4.	Giải pháp về quy hoạch và quản lý đô thị.....	80
3.3.5.	Giải pháp về xây dựng hạ tầng đô thị:	80
PHẦN 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN		82
4.1.	Ủy ban nhân dân tỉnh:	82
4.2.	Sở Xây dựng:	82
4.3.	Các sở, ban, ngành liên quan:	Error! Bookmark not defined.
4.4.	Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập:.....	Error! Bookmark not defined.
4.5.	Ủy ban nhân dân thị trấn Đình Lập:	Error! Bookmark not defined.
PHẦN 5. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ		83
5.1.	Kết luận	83
5.2.	Kiến nghị	83

PHẦN 1. PHẦN MỞ ĐẦU

1.1. Lý do, sự cần thiết

Thị trấn Đình Lập là thị trấn huyện lỵ của huyện Đình Lập, được thành lập theo Quyết định số 614/VP18 ngày 23 tháng 02 năm 1977 của Thủ Tướng. Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000 được phê duyệt theo Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 11/09/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn xác định đô thị thị trấn Đình Lập với tính chất là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, là đầu mối giao thông cửa ngõ phía Đông Nam tỉnh Lạng Sơn. Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung được duyệt cũng đặt ra nhu cầu phát triển ở địa phương, các cơ sở hạ tầng kỹ thuật như giao thông, điện, cấp thoát nước và hạ tầng xã hội đã được đầu tư và chỉnh trang đô thị các tuyến phố, làm thay đổi bộ mặt đô thị, cải thiện môi trường đô thị.

~~Để làm căn cứ~~ triển khai thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Đình Lập được duyệt, theo thông tư 12/2014/TT-BXD về hướng dẫn lập thẩm định và phê duyệt chương trình phát triển đô thị tại Điều 3. “*Căn cứ Quy hoạch chung đô thị được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức lập Chương trình phát triển từng đô thị phù hợp với nội dung và khung thời gian của quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và Quy hoạch chung đô thị được phê duyệt. Chương trình phát triển cho từng đô thị phải được phê duyệt không quá 12 tháng kể từ khi quy hoạch chung đô thị được phê duyệt. Đối với đô thị loại V, Chương trình phát triển đô thị được lồng ghép trong Hồ sơ khu vực phát triển đô thị theo quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.*”. Nhằm xem xét đánh giá thực trạng hệ thống hạ tầng đô thị thị trấn Đình Lập so với các tiêu chí theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Từ đó, xây dựng các chương trình dự án, danh mục đầu tư và đề xuất các cơ chế chính sách phù hợp theo lộ trình phát triển.

Để tạo tiền đề phát triển cho đô thị Đình Lập phát triển nhanh, bền vững thực hiện được mục tiêu phát triển của tỉnh Lạng Sơn nói chung và huyện Đình Lập nói riêng cũng như có cơ sở triển khai một số nội dung liên quan, việc xây dựng Chương trình phát triển đô thị huyện Đình Lập giai đoạn 2021 đến năm 2035 là rất cần thiết. Chương trình phát triển đô thị Đình Lập sẽ cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị, xác định các khu vực phát triển đô thị, xây dựng kế hoạch lộ trình phát triển cơ sở hạ tầng và không gian đô thị cụ thể nhằm đảm bảo cho sự phát triển vừa có trọng tâm, trọng điểm vừa phát triển bền vững, đảm bảo tính liên kết và thống nhất giữa quy hoạch các ngành, giữa các khu vực phát triển đô thị trong huyện và với đô thị lân cận.

Xây dựng chương trình phát triển đô thị Đình Lập cũng là bước quan trọng nhằm xác định các chương trình dự án, hạng mục đầu tư và đề xuất các cơ chế chính sách phù hợp theo lộ trình phát triển, đảm bảo công tác xây dựng phát triển đô thị của huyện theo quy hoạch định hướng đã đặt ra, thực hiện mục tiêu hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V phấn đấu trong tương lai thị trấn Đình Lập đạt tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân, tạo diện mạo mới về kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh hiện đại.

1.1.1. Các căn cứ pháp lý

- a. Các văn bản Luật, Nghị quyết, Nghị định, Thông tư.
- Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
 - Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;
 - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
 - Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
 - Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;
 - Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/ 6/ 2015;
 - Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
 - Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;
 - Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
 - Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số luật đất đai;
 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;
 - Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật quy hoạch;
 - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;
 - Nghị định 03/VBHN-BXD của Bộ xây dựng ngày 30/5/2023 về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
 - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
 - Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị.
 - Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
 - Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị;
 - Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13

ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

- Thông tư số 12/2017/TT-BXD ngày 30/11/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí liên quan đến đầu tư phát triển đô thị;

- Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về Chương trình phát triển đô thị;

- Công văn 5034/BNV-CQĐP ngày 07/10/2021 của Bộ Nội vụ Về việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050”;

- Quyết định 748/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ xây dựng phê duyệt Công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022.

b. Các văn bản của tỉnh Lạng Sơn

- Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 04/2/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

- Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 13/4/2007 của UBND tỉnh Lạng Sơn Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND huyện Đình Lập Phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trung tâm thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập;

- Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 24/04/2014 của UBND huyện Đình Lập đã ban hành Về việc ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập;

- Quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện Đình Lập phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỷ lệ 1/500.

- Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000;

- Quyết định số 2792/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND huyện Đình Lập phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị phía Đông thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500;
- Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 03/10/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/2.000;
- Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025 huyện Đình Lập;
- Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2035;
- Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 11/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn Kế hoạch Tổ chức thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2035 (giai đoạn 1, năm 2021 - 2025);
- Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 05/04/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Điều chỉnh Nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000;
- Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 11/09/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000;
- Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc công nhận thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn là đô thị loại V;
- Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Lạng Sơn 05 năm (2021-2025) cho cấp huyện;
- Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

c. Văn bản liên quan

- Nghị quyết 05-NQ/ĐH ngày 4 tháng 8 năm 2020 về Đại hội Đảng bộ huyện Đình Lập nhiệm kỳ 2020-2025;
- Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Đình Lập về việc thông qua Chương trình phát triển đô thị thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035;
- Quyết định 2907/QĐ-UBND ngày 19/08/2021 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020 của huyện Đình Lập.
- Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 04-Ctr/TU ngày 06/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 – 2025;
- Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 9 tháng 03 năm 2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về kế hoạch hành động thực hiện chiến lược phát triển dân số tỉnh Lạng Sơn;
- Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn;

- Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 11/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn Kế hoạch Tổ chức thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2035 (giai đoạn 1, năm 2021 - 2025);

- Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 27/5/2023 của UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ và Chương trình hành động số 74-CTr/TU, ngày 22/3/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Chương trình hành động số 74-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị;

- Kế hoạch số 212-KH/HU ngày 30/4/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về triển khai thực hiện Chương trình hành động số 74-CTr/TU, ngày 22/3/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, 24/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, quy hoạch, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

- Văn bản số 311/SXD-QHKT&PTĐT ngày 3/3/2022 của Sở Xây dựng về việc Hướng dẫn quy trình lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị cho các đô thị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Các Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tại đô thị;

1.1.2. Nguồn tài liệu, số liệu

- Các Đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu đô thị... trên địa bàn huyện Đình Lập;

- Các quy hoạch chuyên ngành của quốc gia, của tỉnh Lạng Sơn (giao thông đường bộ, quy hoạch điện; quy hoạch xử lý chất thải rắn nguy hại...);

- Niên giám thống kê tỉnh Lạng Sơn, huyện Đình Lập năm 2021;

- Các tài liệu, số liệu điều tra về điều kiện tự nhiên và hiện trạng.

- Các dự án đầu tư có liên quan.

1.2. Mục tiêu xây dựng Chương trình phát triển đô thị Đình Lập

1.2.1. Mục tiêu chung

- Làm cơ sở quản lý, phát triển đô thị huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đảm bảo các định hướng phát triển Hệ thống đô thị Việt Nam, Chương trình phát triển đô thị quốc gia; chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Lạng Sơn, đảm bảo các yêu cầu về quản lý đầu tư phát triển đô thị; phù hợp với các định hướng quy hoạch phát triển của Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn Lạng Sơn thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nâng cao chất lượng sống đô thị, thông qua việc tập trung nguồn lực hợp lý để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội đô thị, kiến trúc cảnh quan phù hợp, đồng bộ, từng bước hiện đại và bền vững. Đảm bảo tính kết nối theo quy hoạch tỉnh đã được xác định giữa các đô thị trong hệ thống đô thị tỉnh Lạng Sơn.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Cụ thể hóa Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số

2706/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2035;

- Căn cứ các tiêu chuẩn, tiêu chí về phân loại đô thị được quy định tại Nghị định 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 1210/NQ-QH, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị, Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; đánh giá thị trấn Đình Lập theo phân loại đô thị trong địa bàn huyện, từ đó xác định kế hoạch đầu tư các dự án xây dựng phát triển, từng bước hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí về phân loại đô thị còn yếu, đảm bảo chất lượng cơ sở hạ tầng đô thị theo phân loại.

- Lập danh mục thứ tự các dự án đầu tư xây dựng theo kế hoạch, lộ trình và chiến lược cụ thể cho từng giai đoạn phát triển đảm bảo phù hợp với các chương trình, mục tiêu phát triển đã đề ra theo hướng bền vững.

- Phối hợp lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án đã và đang triển khai của các ngành trên địa bàn đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn vốn đầu tư để phát triển đô thị huyện Đình Lập trong các giai đoạn 2022-2025, 2025-2030 và 2030-2035.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan phù hợp, đồng bộ, nâng cao chất lượng đô thị hướng tới không gian đô thị thị trấn Đình Lập đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

1.3. Phạm vi nghiên cứu và thời hạn lập Chương trình phát triển đô thị

• Phạm vi nghiên cứu: gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn cũ và một phần diện tích mở rộng về xã Đình Lập khoảng 1.572,0 ha. Trong đó:

- Diện tích thị trấn : 633,789 ha
- Diện tích mở rộng về xã Đình Lập : 938,211 ha.
- Phía Đông Bắc thuộc xã Đình Lập (giáp thôn Khe Vuông ranh giới đến mốc km132+530, Quốc lộ 31 đi cửa khẩu phụ Bản Chắt).
- Phía Đông Nam thuộc xã Đình Lập (giáp thôn Phạt Chỉ, thôn Khe Mạ đến hết ranh giới xã Đình Lập mốc Km58+730 QL4B đi Quảng Ninh).
- Phía Tây Bắc ranh giới thị trấn cũ (giáp thôn Còn Đuống Km 53+20), Quốc lộ 4B đường đi huyện Lộc Bình).
- Phía Tây Nam thuộc xã Đình Lập (giáp thôn Bình Chương I, mốc km127+320 Quốc lộ 31 đường đi huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang)

(Nguồn Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 11/09/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000)

- Thời hạn nghiên cứu:

- **Giai đoạn đến năm 2025:** Tập trung xây dựng chỉnh trang hoàn thiện hệ thống hạ tầng đô thị đáp ứng theo tiêu chuẩn tối đa về đánh giá phân loại đô thị [theo loatheo](#) định hướng phát triển đô thị toàn tỉnh.

- **Giai đoạn năm 2026-2030:** Tập trung lập các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng theo định hướng điều chỉnh quy hoạch chung và kế hoạch. Đầu tư hạ tầng khu đô thị mới đã theo định hướng Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đình Lập đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- **Giai đoạn năm 2031– 2035:** **Đ**ẩy mạnh triển khai thực hiện hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân, tạo diện mạo mới về kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh hiện đại.

- **Đối tượng nghiên cứu:**

- Gồm các hạng mục đầu tư xây dựng đô thị theo yêu cầu của Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị;

- Các hạ tầng khung kết nối đô thị: Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt công cộng đô thị, các công trình đầu mối về cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, nghĩa trang, khu xử lý chất thải rắn, trung tâm thông tin liên lạc.

PHẦN 2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐÌNH LẬP

2.1. Khái quát chung về đô thị Đình Lập

2.1.1. Lịch sử hình thành đô thị

Đình Lập là một huyện miền núi biên giới nằm ở phía Đông Nam tỉnh Lạng Sơn, trên trục nối giữa thành phố Lạng Sơn và tỉnh Quảng Ninh, nối vùng biên giới Việt - Trung với các tỉnh Đông Bắc Bộ và tỉnh Bắc Giang. Năm 1963, hai tỉnh Quảng Yên, Hải Ninh và đặc khu Hồng Gai hợp nhất thành tỉnh Quảng Ninh. Đình Lập là một trong những huyện thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Tháng 12/1978, huyện Đình Lập được sáp nhập vào tỉnh Lạng Sơn. Ngày 23 tháng 02 năm 1977, theo quyết định số 614/VP18 của Thủ Tướng Thành lập thị trấn Bình Liêu thuộc huyện Bình Liêu, thị trấn Ba Chẽ thuộc huyện Ba Chẽ, thị trấn Đình Lập thuộc huyện Đình Lập, tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, thành lập thị trấn Đình Lập - thị trấn huyện lỵ của huyện Đình Lập trên cơ sở một phần diện tích và dân số của xã Đình Lập.



Chợ Đình Lập năm 2001

Hiện nay, thị trấn Đình Lập là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ; là đầu mối giao thông cửa ngõ phía Đông Nam tỉnh Lạng Sơn. Là đầu mối giao thông quan trọng cửa ngõ phía Đông Nam của tỉnh, có ý nghĩa chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng. Trên địa bàn huyện có quốc lộ 4B chạy qua nối Quảng Ninh với Lạng

Sơn và Cao Bằng. Hệ thống đường liên huyện, đường trục trung tâm thị trấn và đường liên thôn đang được đầu tư xây dựng và hoàn thiện. Thị trấn là nơi sinh sống của các dân tộc khác nhau như Kinh, Tày... Trên địa bàn thị trấn, diện tích đất lâm nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất, sau đó tới đất nông nghiệp và các loại đất khác. Mật độ dân số của thị trấn hiện nay đạt mức cao nhất trong huyện.

Năm 2021 triển khai lập Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập đến năm 2035 được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt tại Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 11/09/2021 chấp thuận mở rộng ranh giới thị trấn: gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn cũ và một phần diện tích mở rộng về xã Đình Lập khoảng 1.572,0 ha. Trong đó: diện tích thị trấn cũ là 633,789 ha, diện tích mở rộng về xã Đình Lập là 938,211 ha.

Năm 2022 thị trấn Đình Lập được UBND tỉnh Lạng Sơn công nhận thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn là đô thị loại V tại Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 18/3/2022.

Trong những năm qua, dưới sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền tỉnh, huyện và chính quyền thị trấn, kinh tế - xã hội cũng như hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thị trấn Đình Lập đã và đang được cải thiện, nâng cao. UBND thị trấn đã xây dựng kế hoạch thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó, tập trung khai thác những tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục những khó khăn, tồn tại hiện có. Nhờ đó, chất lượng cuộc sống của người dân cũng ngày một phát triển theo hướng đi lên, bộ mặt đô thị đang ngày càng thay đổi và phát triển.



Thị trấn Đình Lập hôm nay

2.1.2. Vị trí, vai trò

a. Vị trí:

Thị trấn Đình Lập nằm tại trung tâm của huyện Đình Lập trên tuyến QL4B Lạng Sơn - Quảng Ninh và QL 31 Bắc Giang - Đình Lập - Bản Chắt, cách thành phố Lạng Sơn khoảng 53 km về phía Tây Bắc, cụ thể như sau :

- Phía Đông Bắc thuộc xã Đình Lập (giáp thôn Khe Vuông ranh giới đến mốc km132+530, Quốc lộ 31 đi cửa khẩu phụ Bản Chắt).

- Phía Đông Nam thuộc xã Đình Lập (giáp thôn Phật Chi, thôn Khe Mạ đến hết ranh giới xã Đình Lập mốc Km58+730 QL4B đi Quảng Ninh).
- Phía Tây Bắc ranh giới thị trấn cũ (giáp thôn Còn Đuống Km 53+20), Quốc lộ 4B đường đi huyện Lộc Bình).
- Phía Tây Nam thuộc xã Đình Lập (giáp thôn Bình Chương I, mốc km127+320 Quốc lộ 31 đường đi huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang)



Đình Lập trong Sơ đồ phân vùng phát triển và mối quan hệ liên vùng tỉnh

b. Vai trò:

Do nằm trong vị trí thuận lợi gần Khu kinh tế trọng điểm Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh, Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng- Lạng Sơn, có tuyến quốc lộ 4B đi qua (Lạng Sơn-Lộc Bình- Đình Lập- Tiên Yên- Móng Cái); quốc lộ 31 từ biên giới Việt Trung (Bản Chắt) đến địa phận Lâm Ca - Hữu Sản Bắc Giang. Có nhiều điều kiện thuận lợi phát triển nền kinh tế đa thành phần như: Thương mại, dịch vụ, Công nghiệp- nghề tiểu thủ công nghiệp (TTCN), Nông- Lâm nghiệp và chăn nuôi gia súc; có nhiều tiềm năng về tài nguyên đất, nước, khí hậu, cơ cấu các loại đất phong phú, đa dạng để phát triển về vật liệu xây dựng, trồng các loại cây công nghiệp và cây ăn quả. Có tiềm năng về rừng tự nhiên, rừng sản xuất trồng Thông, keo, các loại gỗ quý như Đinh, Lim...

Là một thị trấn huyện lỵ, thu hút các nguồn lực đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, là điểm dừng chân của các điểm du lịch. Thị trấn Đình Lập đã đóng góp một phần không nhỏ trong việc phát triển kinh tế xã hội của toàn huyện.

2.1.3. Đặc điểm tự nhiên

a. Địa hình

Huyện Đình Lập nằm trên cánh cung Đông Bắc với địa hình tương đối phức tạp. Độ cao trung bình từ 200 - 500m so với mặt biển, với nền địa hình cao hơn ở Đông Bắc (trung bình 500 - 800 m), thấp dần về phía Tây Nam (trung bình 100 m). Không chỉ thế, địa hình bị chia cắt mạnh, đất có độ dốc trên 25°, chiếm đến 3/4 diện tích đất đai toàn huyện nên khó khăn cho giao thông và canh tác nông nghiệp. Địa hình của huyện tương đối phức tạp với độ cao trung bình từ 200 - 500 m so với mặt biển (đỉnh cao nhất là núi Ngàn Chi thuộc xã Bắc Xa cao 1.166 m) và nền địa hình nghiêng dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Vùng Đông Bắc cao hơn, địa hình bị chia cắt mạnh với độ dốc trung

bình trên 350. Vùng Tây Nam có địa hình thấp hơn, phía Nam là vùng đồi núi thấp và thung lũng dọc theo đường Quốc lộ 4B. Ruộng đất canh tác phần lớn là ruộng bậc thang phân bố rải rác theo các triền sông suối và thung lũng. Độ dốc lớn gây ra hiện tượng xói mòn mạnh, làm cho đất đai dễ bị thoái hoá

Thị trấn Đình Lập thuộc vùng núi cao, địa hình bị chia cắt bởi hệ thống các khe suối lớn nhỏ chảy dọc theo hướng Đông Nam - Tây Bắc, xen giữa thung lũng đất nông nghiệp là các đồi đất thấp diện tích vừa và nhỏ ảnh hưởng lớn tới bề mặt thị trấn và diện tích xây dựng đô thị. Cao độ trung bình cho xây dựng từ 180,00m đến 210,00m theo QL4B, 185,00m đến 210,00m theo QL31.

b. Khí hậu

Huyện Đình Lập nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với các vùng tiểu khí hậu. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 21,40C, nhiệt độ tối cao tuyệt đối là 37,20C vào tháng 7, nhiệt độ tối thấp tuyệt đối là 2,80C vào tháng 2. Lượng mưa trung bình hàng năm là 1448,6 mm tập trung từ tháng 5 đến tháng 9 chiếm 75% lượng mưa cả năm, số ngày mưa trung bình là 131 ngày/năm. Mùa khô kéo dài từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau. Tổng số giờ nắng trung bình khoảng 1.581,8 giờ/năm, tháng có số giờ nắng cao từ tháng 5 đến tháng 12, số ngày đông trung bình 49 ngày/năm. Độ ẩm không khí trung bình năm là 83,0%, độ ẩm không khí thấp nhất trung bình năm là 62%. Đặc điểm khí hậu chia thành 2 mùa. Mùa hè từ tháng 4 đến tháng 10, nhiệt độ cao hơn, lượng mưa khá lớn và tập trung, ít ảnh hưởng bởi bão. Mùa đông từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, nhiệt độ thấp, lượng mưa nhỏ. Hiện tượng sương muối khá phổ biến ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

Thị trấn Đình Lập nằm trong vùng khí hậu tỉnh Lạng Sơn, và huyện Đình Lập, có khí hậu của vùng núi phía Bắc, có tính chất nhiệt đới gió mùa, với đặc điểm mùa đông lạnh, ít mưa, thịnh hành gió mùa Đông Bắc, nhiều năm có sương muối. Thủy văn chịu ảnh hưởng trực tiếp thủy văn của dòng suối Nà Áng, hồ Khuổi In khi mùa mưa lũ.

- Nhiệt độ trung bình: 19,80C.
- Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 ÷ tháng 9 hàng năm. Mưa trung bình hàng năm 1406,2mm, chia làm 2 mùa rõ rệt.
 - + Mùa khô từ tháng 10 ÷ tháng 4 năm sau.
 - + Mùa mưa từ tháng 5 ÷ tháng 9 năm sau.
- Độ ẩm bình quân: 81,5%.
- Gió:
 - + Hướng gió chủ đạo là Nam và Đông nam.
 - + Mùa đông chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc (có sương muối kèm theo), mùa hè có gió Đông Nam và gió Tây Nam thịnh hành, nhiệt độ cao.
- Lượng bốc hơi bình quân năm là 811 mm. Số giờ nắng là 1.446 giờ, số ngày có sương muối trong năm không đáng kể.

c. Thủy văn:

Huyện Đình Lập là nơi bắt nguồn của 04 con sông chính:

- Sông Kỳ Cùng: bắt nguồn từ xã Bắc Xa đến xóm Khau Chạy - thôn Pò Phát, xã Bính Xá với chiều dài 43 km chảy trên địa bàn huyện, sông chảy qua tỉnh Lạng Sơn dài 220 km dọc theo QL.4B và QL.4A, qua các huyện Đình Lập, Lộc Bình, Cao Lộc

thành phố Lạng Sơn, huyện Văn Lãng, Tràng Định và chảy về Trung Quốc. Hiện nay toàn bộ người dân thị trấn Đình Lập sử dụng nguồn nước sông Kỳ Cùng để sinh hoạt.

- Sông Lục Nam: Bắt nguồn từ Pắc Cát, xã Đình Lập đến Khe Xiếc, xã Lâm Ca, huyện Đình Lập, chảy về huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang. Chiều dài sông chảy qua huyện Đình Lập là 50 km, lòng sông rộng trung bình 15 - 30m, trong đó đi qua các xã: Xã Đình Lập 21 km; xã Cường Lợi 5 km; xã Thái Bình 7 km; xã Lâm Ca 17 km.

- Sông Tiên Yên (Phố Cũ): Bắt nguồn từ Hin Dăm, xã Kiên Mộc đến Bản Hả, xã Bắc Lãng, huyện Đình Lập, chảy về huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Độ dài sông chảy qua huyện 27 km, lòng sông rộng trung bình 15 - 30m, trong đó đi qua các xã: Xã Cường Lợi 8 km; xã Châu Sơn 12 km; xã Bắc Lãng 7 km.

- Sông Đồng Khuy: Bắt nguồn từ thôn Đồng Nhất, xã Cường Lợi đến Pắc Giàu, xã Đồng Thắng, huyện Đình Lập, chảy về huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh. Chiều dài chạy qua huyện là 21 km, lòng sông rộng trung bình 15 - 30m, trong đó đi qua các xã: Xã Cường Lợi 10 km; xã Đồng Thắng 11 km.

Nguồn nước mặt chính gồm thượng nguồn một số con sông chính như Kỳ Cùng, Tiên Yên, Lục Nam, Đồng Khuy với tổng chiều dài (trong huyện) là 136 km, 05 hồ chứa nước để phục vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp, và các khe suối nhỏ nằm rải rác trên địa bàn huyện.

Hệ thống sông suối là nguồn cung cấp nước mặt chủ yếu cho đời sống và hoạt động của người dân trong huyện. Về mùa mưa, do địa hình phức tạp, sông suối ngắn và dốc, lưu lượng nước lớn nên thường gây lũ, ảnh hưởng đến giao thông, sản xuất và đời sống của nhân dân. Ngược lại, về mùa khô, các con sông thường bị cạn kiệt gây thiếu nước cho sản xuất và đời sống người dân trong huyện.

Thị trấn có thủy văn chịu ảnh hưởng trực tiếp thủy văn của suối Đình Lập và nhánh sông Lục Nam chảy qua thị trấn. Mực nước chênh lệch giữa 2 mùa ít, mực nước tăng nhanh và rút cũng nhanh thường làm ngập lụt một số vùng trũng ven suối, tuy nhiên khu vực dự kiến xây dựng ít ảnh hưởng của lũ lụt.

2.1.4. Tài nguyên thiên nhiên

a. Tài nguyên đất

Huyện Đình Lập tài nguyên đất đai có nhiều điểm hạn chế nổi bật là tầng đất mỏng, độ dốc lớn không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Đất đai có nguồn gốc phát sinh chủ yếu trên nền đá mẹ là phân sa Rigilis màu do phong hoá và một phần sa thạch phân bố hầu khắp các xã trong huyện. Nhìn chung, tầng đất mỏng, đa số có tầng đất dưới 50cm chiếm 85,14% diện tích, chỉ có 3,26% tổng diện tích là tầng dày trên 100 cm và 11,6% diện tích có tầng đất có tầng dày < 50cm. Do tầng đất mỏng (phần lớn diện tích đất có tầng dày < 50 cm) nên đất dễ bị rửa trôi, xói mòn. Vì vậy, cần phải có biện pháp tăng cường độ che phủ rừng, canh tác đất dốc hợp lý, trồng rừng phòng hộ đầu nguồn, khoanh nuôi tái sinh rừng để bảo vệ đất.

Nhìn chung, chất lượng đất thuộc loại đất tốt thích hợp với nhiều loại cây trồng có giá trị. Đất đồi núi thích hợp với việc trồng cây thông lấy nhựa, phát triển đồng cỏ chăn nuôi đại gia súc. Đất của huyện Đình Lập phù hợp với nhiều loại cây ăn quả và cây công nghiệp dài ngày đặc biệt thích hợp với cây thông, cây chè, cây keo và bạch đàn.

b. Tài nguyên nước

Chất lượng nguồn nước mặt, nước ngầm còn tương đối tốt. Các thông số phân tích môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy định, thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất và phát triển du lịch.

Trữ lượng nguồn nước ngầm chưa có điều tra, khảo sát đáng giá cụ thể. Trên thực tế, ở độ sâu khoảng 30 - 60m có các vỉa nước ngầm đã được khai thác. Hiện tại, trên địa bàn toàn huyện có trên 200 giếng khoan được người dân khai thác, sử dụng cho đời sống và sinh hoạt.

c. Tài nguyên rừng

Huyện Đình Lập diện tích đất lâm nghiệp chiếm phần lớn diện tích trên địa bàn tỉnh. Tổng diện tích đất rừng của huyện là 96.092,32 ha. Trong đó, rừng sản xuất: 83.122,71 ha; rừng phòng hộ: 12.969,61 ha. Tỷ lệ che phủ là 76,2%.

Năm 2011 rừng trồng mới được 2.340 ha, năm 2015 trồng thêm được 1.685 ha, năm 2020 thực hiện trồng thêm 1.200 ha, đến nay diện tích trồng rừng hàng năm chủ yếu là trồng lại sau khai thác. Diện tích giao đất, giao rừng nhằm tăng hiệu quả việc trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng qua các năm. Năm 2020, thực hiện 4000 ha đất lâm nghiệp, gần gấp đôi so với năm 2011.

Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, với quy mô hợp lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế rừng. Tập trung phát triển rừng sản xuất, bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn kết hợp với cảnh quan, môi trường, vùng rừng có khả năng sinh thủy. Kết quả trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng đều vượt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, kế hoạch tái sinh rừng tự nhiên chưa phù hợp do đó chưa thực hiện được.

Thị trấn Đình Lập diện tích đất lâm nghiệp là 252,56 ha chiếm 39,85% diện tích đất tự nhiên. Trong đó, rừng sản xuất 242,53 ha; rừng phòng hộ: 10,03 ha.

(Nguồn Niên Giám Thống kê năm 2022)

d. Tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện Đình Lập rất nghèo nàn, trữ lượng các mỏ khoáng sản ít, chất lượng và trữ lượng của mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng không đảm bảo cho xây dựng các công trình phải nhập vật liệu từ địa phương khác để sử dụng. Nhìn chung, tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện Đình Lập rất ít, trữ lượng không đáng kể nên không tạo được động lực lớn cho phát triển kinh tế trên địa bàn huyện.

e. Tài nguyên văn hoá xã hội

Đình Lập là huyện có điều kiện văn hóa xã hội đặc trưng của miền núi phía Bắc với thành phần 18 dân tộc đa dạng khác nhau cùng chung sống trong đó chiếm số đông là: Tày, Dao, Nùng, Kinh, Sán chỉ. Ngoài ra còn một số ít dân tộc khác gồm dân tộc Kinh, dân tộc Tày, dân tộc Nùng, dân tộc Hoa và một số dân tộc khác. Chính vì thế, lễ hội văn hóa và tập quán truyền thống đặc trưng là của dân tộc Tày, Nùng, Dao. Nhìn chung, văn hóa đặc trưng của huyện Đình Lập là nền văn hoá bản địa gắn liền với sự phát triển và tồn tại của xã hội qua từng thời kỳ, vừa phong phú, đa dạng của văn hoá vật thể và phi vật thể. Các cộng đồng dân cư được phân bố với quy mô vừa và nhỏ như làng, xóm, thôn, bản, khu phố.

Thị trấn Đình Lập với lối sống văn hoá xã hội ôn hòa và coi trọng đời sống văn hóa tinh thần, dễ tiếp cận và chấp nhận những nét văn hóa hiện đại, học hỏi những nếp sống văn minh từ các địa phương. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương, phát triển các

ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống, kinh tế nông nghiệp nông thôn trên địa bàn. Qua đó, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương theo hướng dịch vụ- nông nghiệp- công nghiệp, cải thiện thu nhập cho người dân.

2.1.5. Hiện trạng sử dụng đất

Theo số liệu thống kê năm 2021, tổng diện tích đất thị trấn Đình Lập là 1.572 ha. Hiện trạng sử dụng đất huyện Đình Lập Được thống kê trong bảng sau:

Bảng hiện trạng sử dụng đất

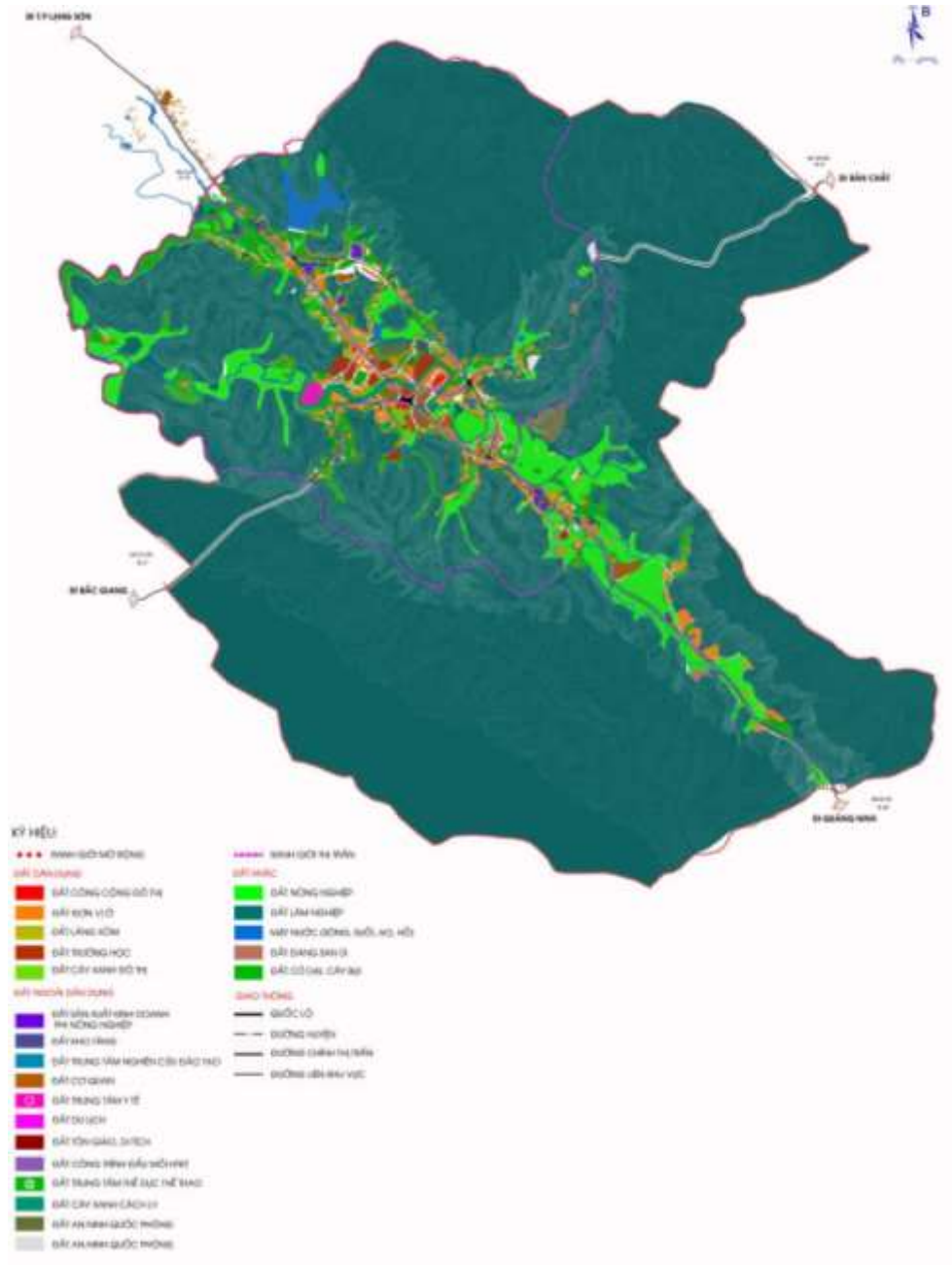
(Theo ranh giới mở rộng điều chỉnh quy hoạch)

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Mật độ (m ² /người)	Tỷ lệ (%)
A	Đất xây dựng đô thị (I+II)	76,00		100,0
I	Đất dân dụng	51,25	96,7	67,4
1	Đất ở + vườn	35,80	67,5	47,1
2	Đất công trình công cộng	6,39	12,1	8,4
3	Đất cây xanh thể dục thể thao	1,66	3,1	2,2
4	Đất giao thông	7,40	14,0	9,7
II	Đất ngoài dân dụng	24,75	46,7	32,6
1	Đất công nghiệp- Tiểu thủ công nghiệp	2,02	3,8	2,7
2	Đất giao thông đối ngoại	10,30	19,4	13,6
3	Đất cơ quan - Trường chuyên nghiệp	5,49	10,4	7,2
4	Đất đầu mối kỹ thuật, nghĩa trang	2,60	4,9	3,4
5	Đất an ninh quốc phòng	4,34	8,2	5,7
B	Đất khác	1.496,00		100,0
1	Đất nông - Lâm nghiệp	1.409,60		94,2
2	Đất khác (đất chưa sử dụng, đất phi nông nghiệp, khác, suối, ao, hồ)	86,40		5,8
	Tổng diện tích tự nhiên	1.572,00		

(Nguồn: Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Đình Lập)

- Đất ở dân cư tập trung chủ yếu khu vực thị trấn cũ (thuộc 8 khu dân cư), dọc tuyến QL4B và QL31.
- Đất nông nghiệp phần lớn là đất hoa màu, các gò đồi trồng cây ăn quả, đất lúa nước tập trung phía Đông Nam thuộc thôn Phật Chỉ, thôn Khe Mạ, thôn Kéo Khuế, thôn Còn Đuống phía Tây Bắc.
- Đất lâm nghiệp chủ yếu trồng Thông xen Bạch Đàn, Keo bao quanh thị trấn.
- Đất nuôi trồng thủy sản, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, vật liệu xây dựng, sản xuất gỗ bóc.
- Đất khác gồm đất chưa sử dụng, đất phi nông nghiệp, suối, ao, hồ.
- Đất công cộng bao gồm: Đất trường học - đào tạo; đất văn hóa, y tế; đất chợ-thương mại; đất công trình thủy lợi.

- Đất suối, ao, hồ, mặt nước = 25,35 ha.



Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất thị trấn Đình Lập

Diện tích đất khác chiếm 96,74%, chiếm hầu hết diện tích tự nhiên, đa phần là đất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất trồng, mặt nước. Diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng chiếm tỷ lệ rất thấp chỉ khoảng 3,26% tổng diện tích đất tự nhiên

Để xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển đô thị, phát triển các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, thương mại và các cơ sở hạ tầng các công trình công cộng, một số loại đất đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Trong thời gian tới, để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng: dịch vụ thương mại và nông nghiệp, cho nên ngoài một số diện tích đất chưa được sử dụng sẽ được đưa vào sử dụng, còn lại phần lớn đất đai phục vụ đáp ứng với nhu cầu phát triển sẽ là do chuyển đổi mục đích sử dụng cho phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

2.1.6. Hiện trạng dân số, lao động

a. Dân số

Quy mô dân số toàn huyện đến năm 2022 là 29.254 người, dân số thị trấn Đình Lập bao gồm cả phần mở rộng khoảng 5.300 người, tỷ lệ đô thị hoá 18,1%

Bảng thống kê dân số qua các năm

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022 (kể cả dân số phần mở rộng ranh giới)
1	Dân số thị trấn Đình Lập (người)	4.716	4.778	4.605	5.300
2	Tỷ lệ tăng dân số đô thị		1,31	-3,62	15,09

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Đình Lập: 2019-2021, chi cục thống kê năm 2022)

- Mật độ dân số khoảng 337 người/km² (trên tổng 15,72km²)
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,0%.
- Dân số trong độ tuổi lao động khoảng: 3.860 người, chiếm 73,01%.

b. Lao động

Trong những năm qua, huyện và đặc biệt là chính quyền thị trấn Đình Lập đã quan tâm chỉ đạo, phát triển nguồn lao động tại địa phương, tổ chức giới thiệu việc làm cho người dân trên địa bàn thị trấn. Ngoài ra, chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động. Nhờ đó, năm 2021 trên địa bàn thị trấn có 3.297 người lao động có việc làm trong nền kinh tế, lao động qua đào tạo là 2.949 người đạt 89,44%. Lao động phi nông nghiệp đạt 71,85% trên tổng số lao động.

Thống kê lao động, việc làm khu vực nghiên cứu năm 2021

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thị trấn
I	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	người	3.297
1	Lao động Nông nghiệp	người	928
2	Lao động Phi nông nghiệp	người	2.369
2.1	Lao động công nghiệp - xây dựng	người	136
2.2	Lao động thương mại - dịch vụ	người	1.998
2.3	Lao động lâm nghiệp, làm muối, đánh bắt cá	người	235
II	Tỷ lệ lao động Phi nông nghiệp	%	71,85

2.1.7. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

• Về kinh tế:

- Thu nhập bình quân đầu người: 4,3 triệu đồng
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn (2022): 2.144 tỷ đồng
- Tỷ trọng NN-CN-TMDV: 23,68% - 25,71 % - 50,61 %

- *Về xã hội:*

- Có 1 trụ sở UBND huyện, 1 UBND thị trấn, 1 Chợ trung tâm thị trấn, 1 Bưu điện Huyện

- 1 trung tâm y tế huyện, 1 trạm y tế thị trấn Đình Lập
- 1 trường cấp mầm non thị trấn Đình Lập
- 1 trường tiểu học thị trấn Đình Lập
- 1 trường trung học cơ sở thị trấn Đình Lập
- 1 trường Trung học phổ thông Đình Lập

- a. *Công nghiệp - Xây dựng*

Công nghiệp thị trấn chưa phát triển, một số cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng quy mô nhỏ chưa đáp ứng yêu cầu của thị trấn, một số ngành tiểu thủ công nghiệp khác như chế biến lương thực, thực phẩm; chế biến lâm sản, đồ gỗ gia dụng và cơ khí nông, lâm nghiệp, (chủ yếu là cơ sở cá thể quản lý) quy mô nhỏ, mới phục vụ và đáp ứng một phần nhu cầu của địa phương. Sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp không lớn, hiện các sản phẩm nông, lâm nghiệp nhân dân vẫn xuất khẩu thô sang Trung Quốc như gỗ thông, nhựa thông, mộc nhĩ, nấm hương và một số cây dược liệu quý.

- b. *Thương mại dịch vụ:*

Tình hình thương mại dịch vụ tại thị trấn chưa phát triển, hầu hết các cửa hàng dịch vụ thương mại của các hộ gia đình trên các tuyến đường chính thị trấn kết hợp nhà ở. Cửa hàng bách hóa khu trung tâm thị trấn mới đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, chợ Đình Lập mới được đầu tư xây dựng cải tạo tuy nhiên đã quá tải, hệ thống giao thông hạn chế, mật độ xây dựng quá cao ảnh hưởng lớn tới việc trao đổi hàng hóa, không đảm bảo cho việc phòng cháy chữa cháy, những hôm chợ phiên nhân dân bày bán dọc vỉa hè khu trung tâm thị trấn gây ách tắc giao thông. Giá cả mua bán tại Chợ Trung tâm thị trấn bình ổn, các hộ kinh doanh chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Các ngành nghề làm mộc, nhôm kính, dịch vụ sửa chữa xe, may đo quần áo hoạt động thường xuyên đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

- c. *Nông-lâm-thủy sản*

Nông nghiệp chủ yếu là rau, mầu, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản. Lâm nghiệp có mật độ rừng che phủ 100% trên tổng diện tích đất rừng của thị trấn, cây trồng chủ yếu là Thông, Keo, chè, hoa Hài, một số cây dược liệu quý: mộc nhĩ, nấm hương, Trấu, sớ...

Về trồng trọt, tổng diện tích gieo trồng là 58,74/124,40 ha đạt 47,22% kế hoạch và 84,24% so với cùng kỳ. Sản lượng cây có hạt: 134,38 tấn đạt 81,52 % kế hoạch và bằng 101,26 % so với cùng kỳ.

Về chăn nuôi: Đàn gia súc, gia cầm phát triển bình thường, trong năm Thú y viên phối hợp với Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp phun tiêu độc khử trùng đợt 1 năm 2021 được 178 hộ, Đàn lợn hiện có 423 con, đàn gia súc, gia cầm 8.817 con. Tiêm phòng Đại cho đàn chó, mèo: 321 con.

2.2. Thực trạng cơ sở hạ tầng xã hội

2.2.1. Thực trạng cơ sở hành chính

Trung tâm hành chính huyện mới được đầu tư xây dựng khang trang, hiện đại tại địa điểm hiện trạng khu vực ngã tư trung tâm, chiều cao 5 tầng, nhà liên cơ quan 4 tầng, trụ sở Huyện Ủy cao 3 tầng cơ bản đáp ứng yêu cầu làm việc trong tương lai. Trụ sở UBND thị trấn được đầu tư xây dựng mới tại khu 7, các cơ quan khác đóng trên địa bàn thị trấn: Viện kiểm sát, Tòa án, Tài chính, Ngân hàng, Kho bạc,... hiện xây dựng với mật độ cao, quy mô nhỏ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai, trong quá trình phát triển đô thị từng bước đưa các cơ quan ban ngành ra khỏi khu trung tâm hiện trạng, dành quỹ đất đầu tư xây dựng các công trình dịch vụ thương mại, dịch vụ công cộng và các công trình tiện ích đô thị, tạo điểm nhấn kiến trúc khu trung tâm hành chính của huyện.

Khu cơ quan Ban CHQS huyện chuyển về thôn Bình Chương và đã được đầu tư xây dựng kiên cố, Công an huyện đã được cấp địa điểm xây dựng và đang tiến hành đầu tư xây dựng tại khu Nà Vắt quy mô đất 4,13ha.



Trung tâm hành chính huyện



Ủy ban nhân dân thị trấn Đình Lập

2.2.2. Thực trạng cơ sở Giáo dục - Đào tạo:

Hệ thống giáo dục tại thị trấn Đình Lập tương đối đầy đủ: Có 1 trường mầm non đạt trường chuẩn quốc gia đảm bảo quy mô 402 cháu, Có 1 trường tiểu học đạt trường chuẩn quốc gia quy mô 470 học sinh, Có 1 trường THCS đạt trường chuẩn quốc gia quy mô 414 học sinh, Có 1 trường THPT quy mô 236 học sinh và 1 trường trung học phổ thông quy mô 669 học sinh, 1 trường bồi dưỡng chính trị, 1 trường dạy nghề. Hệ thống trường học các cấp cơ bản đã được đầu tư xây dựng kiên cố tại khu vực trung tâm thị trấn (khu 5, khu 8), thôn Phật Chỉ theo chương trình kiên cố hóa trường lớp học, tầng cao từ 1 ÷ 3 tầng, bán kính phục vụ chưa đáp ứng theo quy định do thị trấn kéo dài theo QL4B theo hướng Đông Nam- Tây Bắc.

Trong những năm qua, chính quyền thị trấn đã chỉ đạo các nhà trường tổ chức dạy và học, duy trì ổn định sĩ số học sinh, giữ vững chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 và duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ. Huy động trẻ ra lớp trên địa bàn năm học 2020 - 2021 đạt 100%.

(Nguồn phòng giáo dục đào tạo huyện Đình lập)



Trường dân tộc nội trú THCS & THPT



Trường trung học cơ sở thị trấn Đình Lập



Trường tiểu học thị trấn Đình Lập



Trường mầm non thị trấn Đình Lập

Bảng thống kê số trường trên toàn thị trấn như sau:

STT	Hạng mục	Loại	Số lượng
1	Trường mầm non	Trường	1
2	Trường tiểu học	Trường	1
3	Trường THCS	Trường	1
4	Trường THPT	Trường	1
5	Trường PT dân tộc nội trú	Trường	1

2.2.3. Thực trạng cơ sở Y tế:

Trong những năm qua, chính quyền địa phương đã quan tâm sát sao đến công tác y tế, chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân, dân số gia đình và trẻ em, đạt được một số thành tựu nhất định. Thực hiện công tác tiêm chủng mở rộng các loại vacxin hàng tháng phòng dịch bệnh cho trẻ em, tiến hành kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm các quán ăn, theo dõi biểu đồ tăng trưởng của trẻ em, tổ chức khám sức khỏe cho học sinh trên địa bàn. Duy trì chế độ trực thường xuyên, đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân; thực hiện nghiêm quy trình chuyên môn, giám sát phòng, chống dịch bệnh Covid - 19 theo chỉ đạo của cấp trên. Các hoạt động truyền thông về dân số KHHGD được duy trì, tăng cường tuyên truyền lồng ghép trong các buổi truyền thông trực tiếp và qua hoạt động của các tổ chức đoàn thể ở khu dân cư. Bệnh viện huyện cơ bản đáp ứng cho khám chữa bệnh trong giai đoạn trước mắt, trong tương lai cần mở rộng quy mô giường bệnh, nâng cấp, nâng tầng đáp ứng yêu cầu cho phát triển dân số.



Trạm y tế thị trấn Đình Lập



Trung tâm y tế thị trấn Đình Lập

Năm 2020, trên địa bàn thị trấn Đình Lập hiện có 02 cơ sở khám chữa bệnh trong đó có 01 trung tâm y tế huyện và 01 trạm y tế thị trấn. Tổng số nhân lực ngành y là 77 người. Số giường bệnh/1.000 dân đạt 16,63 giường/1.000 dân.

Bảng thống kê số cơ sở y tế trên toàn thị trấn như sau:

TT	Cơ sở y tế	Số giường thực kê	Địa điểm
1	Trung tâm y tế huyện Đình Lập	90	Khu 5, Thị trấn Đình Lập, Huyện Đình Lập, Lạng Sơn
2	Trạm y tế thị trấn Đình Lập	3	Thị trấn Đình Lập, Đình Lập, Lạng Sơn

2.2.4. Thực trạng cơ sở Văn hóa, thông tin, thể thao:

Đời sống văn hóa của nhân dân trên địa bàn đang dần được nâng cao. Toàn thị trấn có 01 Trung tâm văn hóa - thể thao và Truyền thông, nhà văn hóa các khu dân cư thị trấn, thôn Còn Đuống, thôn Phật Chi, thôn Khe Mạ đã được đầu tư xây dựng nhà cấp 4 cơ bản đáp ứng yêu cầu sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa thị trấn chưa được đầu tư xây dựng, địa điểm dự kiến xây dựng tại khu văn hóa thể thao theo quy hoạch.



Bưu điện



Nhà văn hoá



Nhà thể thao



Sân thể thao

Bảng thống kê số công trình văn hoá trên toàn thị trấn như sau:

TT	Công trình văn hóa cấp đô thị	Địa điểm
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông Đình Lập	Khu 8, Thị trấn Đình Lập, Huyện Đình Lập, Lạng Sơn

2.3. Thực trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

2.3.1. Giao thông:

- Hệ thống giao thông quốc lộ đi qua thị trấn:
- + Tuyến tránh Quốc lộ 4B đoạn đi qua thị trấn Đình Lập có chiều dài 1,9km, mặt đường được thảm bê tông nhựa, chất lượng tốt.
- + Quốc lộ 31 đoạn đi qua trung tâm thị trấn Đình Lập có chiều dài khoảng 1km, mặt đường được thảm bê tông nhựa, chất lượng tốt.



Tuyến tránh Quốc Lộ 4B



Quốc lộ 31

- Đường trong đô thị:
- + Quốc lộ 4B đoạn tuyến cũ đi qua trung tâm thị trấn Đình Lập (đã được chuyển thành đường nội thị của thị trấn); có chiều dài khoảng 1,9km; mặt đường được thảm bê tông nhựa, chất lượng tốt.
- + Các tuyến nhánh trong đô thị chủ yếu là đường bê tông có một số đoạn rải nhựa, chất lượng tốt.



Quốc lộ 4 đoạn tuyến cũ qua đô thị



Các tuyến nhánh trong đô thị



Điểm giao cắt đường tránh QL4 và QL4 tuyến cũ qua đô thị



Điểm giao cắt đường tránh QL31 và QL4 tuyến cũ qua đô thị

- Bến xe, trạm dừng nghỉ: Bến xe khách Đình Lập có diện tích 1.051 m², bến xe loại 6, tại Khu 2, TT Đình Lập, Đình Lập. Trạm dừng nghỉ Nguyên Mạnh 168 đã hoàn thành xây dựng, đạt loại 3, đang hoàn thiện thủ tục công bố.



Bến xe khách Đình Lập



Trạm dừng nghỉ Nguyên Mạnh

2.3.2. San nền thoát nước mưa:

Thị trấn Đình Lập có cao độ dao động từ +160m đến 250m, khu vực tập trung xây dựng có cao độ từ +170m đến 220m. Nước mưa chủ yếu thoát nước tự chảy theo hệ thống mương dọc theo hai bên đường giao thông và thoát theo địa hình tự nhiên ra sau vườn sau đó thoát về suối Đình Lập, Nà Ang rồi ra sông Lục Nam.



Hệ thống thoát nước mưa

2.3.3. Cấp điện:

- Nguồn điện: Thị trấn Đình Lập được cấp điện trạm trung gian Na Dương công suất 2x2.400 KVA.

- Lưới điện cao thế: Khu vực Thị trấn Đình Lập có đường dây 110kV từ TBA 110kV Lạng Sơn – NĐ Na Dương -TBA 110kV Tiên Yên đoạn đi qua thị trấn Đình Lập có chiều dài khoảng 3,2km.

- Lưới điện trung thế: Đường dây 35kV từ trạm trung gian Na Dương đi Đình Lập đoạn qua thị trấn Đình Lập có chiều dài khoảng 5km.

- Lưới điện hạ thế: Đường dây 0,4kV của thị trấn chủ yếu dùng dây trần, tổng chiều dài khoảng 23km.

- Lưới điện chiếu sáng: tập trung chủ yếu ở các tuyến chính như tuyến QL 4 cũ đoạn qua thị trấn, tuyến tránh QL 4, QL 31, khu vực trung tâm thị trấn và một số các tuyến nhánh.

- Trạm biến áp trung thế có tổng 10 trạm biến áp 35/0,4KV có tổng công suất đạt 3.770 KVA.



Chiếu sáng cảnh quan thị trấn Đình Lập



Chiếu sáng đường nhánh

2.3.4. Viễn thông:

Hiện nay, trên địa bàn thị trấn Đình Lập có 04 trạm thu phát sóng điện thoại di động BTS, cụ thể là 02 trạm của Viettel, 01 trạm của Vinaphone và 01 trạm của Mobiphone. Về cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người dân trên địa bàn thị trấn, cụ thể năm 2020, tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên địa bàn thị trấn đạt 134,51%. Trên địa bàn thị trấn Đình lập có hệ thống lưới hữu tuyến cơ bản đi chung với lưới điện hạ thế và chiếu sáng trên cùng một cột.

2.3.5. Cấp nước:

Thị trấn được cấp nước từ 2 nguồn:

- Nguồn nước mặt dân từ sông Kỳ Cùng tại thôn Pò Háng cách thị trấn khoảng 20km dẫn về xử lý tại nhà máy nước thị trấn tại khu 2 công suất 2.400m³/ngđ (công suất vận hành 1.000 m³/ngđ), cấp nước cho khu vực trung tâm thị trấn.
- Nguồn nước ngầm tại các khu vực thấp, ven suối và các khe tụ thủy cấp cục bộ cho các nhóm nhà ở và khu vực không tiếp cận được hệ thống cấp nước tập trung.
- Mạng lưới cấp nước được thiết kế dạng vòng có D50- D250 mm. với tổng chiều dài khoảng 6 km.



Chi nhánh cấp nước Đình Lập

2.3.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Thị trấn Đình Lập hiện chưa đầu tư hệ thống thoát nước thải, nước thải sinh hoạt chủ yếu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, rồi xả chung ra hệ thống thoát nước mưa, sông, suối thoát ra môi trường.
- Chất thải rắn của khu vực trung tâm thị trấn do công ty TNHH MTV Áo Xanh thực hiện thu gom và tập trung ở khu 8 (phía Tây Huyện đội), sau đó được vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn của thị trấn đốt 100%. Công nghệ lò đốt T-Tech-CNC 1000. Các khu vực ngoài đô thị, các hộ dân tự thu gom, xử lý đốt chôn lấp sau vườn.
- Nghĩa trang: khu vực thị trấn và các thôn đang sử dụng nghĩa trang tập trung tại dốc Phai Lý tuy nhiên các hộ dân vẫn đang sử dụng quỹ đất lâm nghiệp và nông nghiệp xung quanh thị trấn bố trí thành nhiều khu nghĩa trang quy mô nhỏ gây mất vệ sinh môi trường và lãng phí đất.



Lò đốt chất thải rắn



Điểm thu gom chất thải rắn

2.4. Tình hình phát triển đô thị Đình Lập

2.4.1. Về công tác quy hoạch và phát triển đô thị

Thị trấn phát triển trải dài theo Quốc lộ 4B và Quốc lộ 31 do địa hình bị chia cắt bởi đồi núi, thung lũng và dòng suối Đình Lập, nhánh sông Lục Nam, quỹ đất xây dựng hạn chế các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ thương mại tập trung tại ngã tư trung tâm giao giữa QL4B và QL31 với mật độ cao, quy mô nhỏ, nhà ở xây dựng chủ yếu theo 2 tuyến quốc lộ này, tạo thành các nhóm ở theo các khu dân cư, các thôn trên các sườn đồi và quanh các khu đất nông nghiệp, khó tạo được bộ mặt kiến trúc đô thị khang trang và hiện đại.

Mặc dù thị trấn đã được lập quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết khu trung tâm thị trấn song do nền kinh tế của huyện chủ yếu là nông - lâm nghiệp, mật độ dân cư thấp, chưa có sự đột biến về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại nên thực trạng phát triển thị trấn còn chậm, thu hút đô thị và đô thị hóa thấp.

a. Công tác triển khai dự án quy hoạch trên địa bàn thị trấn Đình Lập:

- Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết trung tâm thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỷ lệ 1/500
- Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000
- Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm thị trấn Đình Lập tỷ lệ 1/500.
- Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500. Được thành lập theo Quyết định số 666/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lạng Sơn ngày 04 tháng 5 năm 2023 Về việc thành lập Cụm công nghiệp Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.
- Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Bình Chương, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500 dự kiến triển khai khi được UBND tỉnh phê duyệt thành lập Cụm công nghiệp Bình Chương.

- Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức thực hiện lập đồ án quy hoạch liên vùng huyện Đình Lập, Lộc Bình, Cao Lộc.

b. Công tác Quản lý đô thị

- Cấp giấy phép xây dựng: Thực hiện cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thị trấn theo quy hoạch và quy chế quản lý quy hoạch đã được duyệt.

- Phối hợp với các xã, thị trấn xử lý các trường hợp vi phạm về trật tự xây dựng, hành lang an toàn giao thông trên địa bàn các xã.

- Ban hành Kế hoạch số 11/KH-KTHT ngày 08/8/2022 kế hoạch kiểm tra, sau cấp phép xây dựng trên địa bàn huyện Đình Lập.

- Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại đô thị.

- Rà soát, đăng ký nhu cầu sử dụng đất của đơn vị và các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn đô thị Đình Lập

- Phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án: Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập. Tổng số diện tích giải phóng mặt bằng là 7,21ha

2.4.2. Công tác đầu tư phát triển hạ tầng đô thị Đình Lập

Hệ thống đường giao thông: Thực hiện duy tu, bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường đô thị tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại, đảm bảo mỹ quan đô thị.

Hệ thống cấp, thoát nước: Hệ thống cấp nước được đảm bảo duy trì ổn định đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của nhân dân thị trấn. Hệ thống thoát nước cơ bản được đảm bảo, tuy nhiên còn một số vị trí rãnh thoát nước trên Quốc lộ 31 thuộc địa bàn thị trấn Đình Lập đã xuống cấp, dự kiến trong thời gian tới thực hiện thi công xây dựng vỉa hè và rãnh thoát nước tại các vị trí xuống cấp dọc tuyến Quốc lộ 31 thuộc địa bàn thị trấn Đình Lập để tránh nước tràn lên mặt đường khi trời mưa to.

Công tác quản lý, duy trì cây xanh: Thường xuyên kiểm tra, rà soát các cây xanh có nguy cơ gãy, đổ và tiến hành chặt tỉa kịp thời, đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông. Cây xanh đô thị được duy trì, thay thế bổ sung tại khu vực ngã tư, trước cổng chợ trung tâm thị trấn Đình Lập, khuôn viên cây xanh Đình Háng Sláp và cây xanh tại các công trình xây dựng vỉa hè, khu dân cư mới được bàn giao đưa vào sử dụng.

Hệ thống đèn chiếu sáng, đèn trang trí được duy trì, thay thế, sửa chữa thường xuyên. Trong năm đã lắp đặt thay thế bổ sung dây led ngang đường, trang trí các cây trung tâm thị trấn Đình Lập.

2.4.3. Hiện trạng vốn đầu tư phát triển

• *Huyện Đình lập*

Tổng kế hoạch vốn năm 2021 là 137.491 triệu đồng, đầu tư cho 84 công trình, dự án; trong đó: Thanh toán vốn 16 công trình, dự án, chuyển tiếp 07 công trình, dự án; khởi công mới 43 công trình; chuẩn bị đầu tư 18 công trình. Giá trị khối lượng thực hiện 137.500 triệu đồng, giải ngân ước thực hiện 89 tỷ đồng đạt 65% kế hoạch (trong đó, giải ngân vốn được UBND tỉnh giao đạt 99% (51.547/52.077 triệu đồng). Đối với các công trình dự kiến bố trí vốn chương trình MTQG năm 2021, UBND huyện đã chủ động bố trí vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư và khởi công mới, các công trình đều đã khởi công. Tiếp tục

thực hiện cứng hóa đường giao thông nông thôn. Triển khai công tác chuẩn bị đầu tư đối với các công trình khởi công mới năm 2022. Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với 15 công trình, dự án; đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với 11 công trình, dự án (đã thực hiện chi trả đầy đủ kinh phí bồi thường theo Quyết định được phê duyệt), với tổng số hộ gia đình, cá nhân, tổ chức và cộng đồng dân cư là 795 hộ gia đình, cá nhân và tổ chức (trong đó có 11 tổ chức), tổng kinh phí bồi thường chi trả là 60.887 triệu đồng. Tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án 428.947,4 m².

Năm 2022 vốn cân đối ngân sách địa phương khoảng 9.500 triệu đồng đầu tư cho 10 dự án. Vốn thu từ sử dụng đất khoảng 32.397 triệu đồng đầu tư cho 5 dự án. Tổng nhu cầu vốn đầu tư năm 2022 khoảng 41.897 triệu đồng.

- *Thị trấn Đình Lập*

- Năm 2020 tổng thu ngân sách trên địa bàn thị trấn Đình lập: 2,144 tỷ đồng, 79,40% dự toán. Trong đó:

- + Thuế GTGT: 1.332.150.000 đồng đạt 78,40% dự toán.
- + Thuế TNCN: 652.286.000 đồng đạt 76,74% dự toán.
- + Thuế SD đất nông nghiệp: 320.000 đồng.
- + Thuế SD đất phi nông nghiệp: 7.768.000 đồng đạt 77,68%.
- + Phí Môn bài: 86.400.000 đồng, đạt 78,54 dự toán.
- + Phí lệ phí: 23.288.000 đồng, đạt 166,34% dự toán.
- + Thu khác: 41.475.000 đồng, đạt 319%.

- Năm 2020 tổng chi ngân sách trên địa bàn thị trấn Đình lập: 3,326 tỷ đồng, đạt 82,35%.

- Năm 2021 tổng thu ngân sách: 2.143.687.000 đồng đạt 79,40% dự toán

- + Thuế GTGT: 1.332.150.000 đồng đạt 78,40% dự toán
- + Thuế TNCN: 652.286.000 đồng đạt 76,74% dự toán
- + Thuế SD đất nông nghiệp: 320.000 đồng
- + Thuế SD đất phi nông nghiệp: 7.768.000 đồng đạt 77,68%
- + Phí Môn bài: 86.400.000 đồng, đạt 78,54 dự toán
- + Phí lệ phí: 23.288.000 đồng, đạt 166,34% dự toán
- + Thu khác: 41.475.000 đồng, đạt 319%

- Năm 2021 tổng chi: 3.326.061.200 đồng, đạt 82,35%

- Năm 2022 tổng thu ngân sách trên địa bàn thị trấn: 2.366.507.000 đồng, đạt 84,50 % dự toán

- Năm 2022 tổng chi ngân sách trên địa bàn thị trấn: 4.510.458.000 đồng, đạt 90,09 % dự toán.

(Theo báo cáo của UBND thị trấn Đình Lập về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2021, năm 2022)

2.5. Đánh giá chung

2.5.1. Kết quả đạt được

Nhìn chung, tình hình kinh tế, xã hội; quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính quyền đạt kết quả tốt; cán bộ công chức thực hiện đúng theo tinh thần chỉ đạo của Đảng ủy, Chủ tịch UBND thị trấn, Kế hoạch UBND thị trấn. Tình hình sản xuất kinh doanh, công tác phòng chống dịch bệnh ở người và động vật được quan tâm. Công tác chỉnh trang, quản lý đô thị, lĩnh vực văn hóa xã hội được quan tâm chỉ đạo các hoạt động chăm lo cho gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao các ngày lễ, kỷ niệm các ngày lễ lớn của địa phương, của đất nước. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, kỷ cương hành chính được triển khai thường xuyên, phòng chống tham nhũng được thực hiện tốt.

Trụ sở các cơ quan ban ngành cơ bản đã được đầu tư xây dựng ổn định. Trụ sở UBND huyện mới được đầu tư xây dựng khang trang, hiện đại tại địa điểm hiện trạng đã tạo được điểm nhấn kiến trúc khu trung tâm. Hệ thống cơ sở văn hóa, y tế giáo dục cơ bản đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu sử dụng. Công trình dịch vụ thương mại khu trung tâm đã được quan tâm và đầu tư xây dựng nâng cấp cải tạo. Nhà ở dân cư đầu tư kiên cố dọc các tuyến phố chính với mật độ cao, đặc biệt dọc theo tuyến đường Yên Lập, đường 31/10, đường Hòa Bình...

2.5.2. Tồn tại, hạn chế:

Thị trấn phát triển trải dài theo Quốc lộ 4B và Quốc lộ 31 do địa hình bị chia cắt bởi đồi núi, thung lũng và dòng suối Đình Lập, nhánh sông Lục Nam, quỹ đất xây dựng hạn chế các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ thương mại tập trung tại ngã tư trung tâm giao giữa QL4B và QL31 với mật độ cao, quy mô nhỏ, nhà ở xây dựng chủ yếu theo 2 tuyến quốc lộ này, tạo thành các nhóm ở theo các khu dân cư, các thôn trên các sườn đồi và quanh các khu đất nông nghiệp, khó tạo được bộ mặt kiến trúc đô thị khang trang và hiện đại.

Mặc dù thị trấn đã được lập quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết khu trung tâm thị trấn song do nền kinh tế của huyện chủ yếu là nông - lâm nghiệp, mật độ dân cư thấp, chưa có sự đột biến về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại nên thực trạng phát triển thị trấn còn chậm, thu hút đô thị và đô thị hóa thấp. Hạ tầng xã hội: Công trình văn hóa, thể dục thể thao chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng, sân thể thao thị trấn nhỏ hẹp không có khán đài, đường chạy.

Chợ Đình Lập quá tải trong việc sắp xếp các ngành hàng, địa điểm chợ hiện trạng hạn chế giao lưu trao đổi hàng hóa, có ba mặt tiếp giáp khu dân cư và suối Đình Lập, chỉ có một mặt tiếp giáp với tuyến giao thông chính đô thị, không đảm bảo vệ sinh an toàn cho sử dụng lâu dài, hệ thống dịch vụ đô thị ngoài trung tâm dịch vụ thương mại mới được đầu tư xây dựng tại ngã tư khu trung tâm, chủ yếu là các hộ gia đình kinh doanh dọc theo 2 tuyến giao thông chính của thị trấn.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, diện tích gieo trồng chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch; giá nhựa thông không ổn định ảnh hưởng đến các hộ sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn.

2.6. Đánh giá tổng hợp các tiêu chí của đô thị Đình Lập theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15.

Thị trấn Đình Lập hiện nay được công nhận là đô thị loại V theo Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc công nhận thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn là đô thị loại V, đánh giá phân loại theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị, theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP.

Chương trình phát triển đô thị Đình Lập sẽ đánh giá chấm điểm lại đô thị Đình Lập theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị để từ đó xác định các tiêu chí cần ưu tiên đầu tư xây dựng hoàn thiện đô thị theo tiêu chuẩn mới.

2.6.1. Rà soát đánh giá tiêu chí đô thị Đình Lập

Đánh giá chỉ tiêu phát triển đô thị của TT. Đình Lập theo Nghị Quyết 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng		
		Tiêu chuẩn (loại V - miền núi)	Th.điểm	Tiêu chuẩn đạt	Xét đ.thị loại V	
			T.đã/ t.thiếu		Điểm	Đánh giá
I	Vị trí, vai trò, chức năng, có cấu và trình độ PTKTXH		15-20		19	
I.1	Vị trí, vai trò, chức năng		3,75-5		5	
		Là TT hành chính hoặc TT tổng hợp cấp Huyện hoặc t. tâm chuyên ngành cấp huyện về KT, VH, GD, y tế, đầu mối GT, có vai trò thúc đẩy sự phát triển KTXH	5		5	Đạt
		Là TT chuyên ngành cấp Huyện về KTVH, GD, y tế, đầu mối GT, có vai trò thúc đẩy sự phát triển KTXH của cụm liên xã.	3,75			
I.2	Cơ cấu và trình độ phát triển KTXH		11,25-15		14	
I.2.1	Cân đối thu chi ngân sách	Dư	2	Dư	2	Đạt
		Đủ	1,5			
I.2.2	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (lần)	$\geq 0,7$	3	1,024	3	Đạt
		0,5	2,25			
I.2.3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	2	4,11	2	Đạt

	và dịch vụ	Tăng theo mục tiêu đề ra	1,5				
I.2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)	≥ 7	2	3,85%	2	Đạt	
		6	1,5				
I.2.5	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước	$\geq 1,25$	2	NQ 26 mới			
		1	1,5				
I.2.6	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (%)	≤ 5	2	5,05%	2	Đạt	
		6	1,5				
I.2.7	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (%).	$\geq 1,2$	3	1,31%	3	Đạt	
		0,8	2,25				
II	Quy mô dân số đô thị		6-8		8		
II.1	Dân số toàn đô thị (1000 người)	4.000-20.000	2	5300	2	Đạt	
			1,5				
II.2	Dân số nội thị (1000 người)		6		4,5	6	Đạt
			4,5				
III	Mật độ dân số		4,5-6		4,5		
III.1	Mật độ dân số đô thị (người/km ²)	≥ 1200	1,5	337		Không đạt	
		1000	1				
III.2	Mật độ dân số khu vực nội thị (người/km ²)	≥ 4000	4,5	6.757	4,5	Đạt	
		3000	3,5				
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp		4,5-6		6		
IV.1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn ĐT (%)	55% - 65%	1,5	71,85%	1,5	Đạt	
			1				
IV.2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị (%)		4,5		3,5	4,5	Đạt
			3,5				
V	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan ĐT		45-60		49,5		
V.1	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực nội thị		36-48		37,5		
V.1.1	Hạ tầng xã hội		7,5-10		9,25		
V.1.1.1	Nhà ở		1,5-2		2		
1	Diện tích sàn nhà ở	≥ 28	1	22,03	1	Đạt	

	bình quân cho khu vực nội thị (m ² sàn/người)	26	0,75			
2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố cho khu vực nội thị (%)	≥ 90	1	99%	1	Đạt
		85	0,75			
V.1.1.2	Công trình công cộng		6-8		7,25	
1	Đất dân dụng (m ² /người)	≥ 100	1	96,7	0,75	Đạt
		70	0,75			
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị (m ² /người)	≥ 3,5	1	9,55	1	Đạt
		3	0,75			
3	Đất xây dựng CTCC cấp khu ở (m ² /người)	≥ 1,5	1	3,35	1	Đạt
		1	0,75			
4	Cơ sở y tế cấp đô thị (giường/10.000 dân)	≥ 30	1	16,63	1	Đạt
		25	0,75			
5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở)	≥ 2	1	3	1	Đạt
		1	0,75			
6	Công trình văn hóa cấp đô thị (công trình)	≥ 2	1	1	0,75	Đạt
		1	0,75			
7	Công trình TĐTT cấp đô thị (công trình)	≥ 2	1	1	0,75	Đạt
		1	0,75			
8	Công trình TMDV cấp đô thị (Công trình)	≥ 2	1	2	1	Đạt
		1	0,75			
V.1.2	Hạ tầng kỹ thuật		10,5-14		11,25	
V.1.2.1	Giao thông		4,5-6		3,5	
1	Đầu mối giao thông (Cảng hàng không - sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách). (Cấp)	Vùng liên huyện	2	huyện	1,5	đạt
		Huyện	1,5			
2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng (%)	≥ 16	1	7,06%	0	không đạt
		11	0,75			
3	Mật độ đường giao thông đô thị	≥ 6	1	1,81	0	không đạt
		5	0,75			
4	Diện tích đất giao	≥ 7	1	10,45	1	đạt

	thông/ dân số nội thị (m ² /người)	5	0,75			
5	Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng (%)	≥ 2	1	2,65%	1	đạt
		1	0,75			
V.1.2.2	Cấp điện và chiếu sáng công cộng		2,25-3		2,75	
1	Cấp điện sinh hoạt (kwh/ng/năm)	≥ 1.000	1	968,21	0,75	đạt
		400	0,75			
2	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)	≥ 90	1	94,59%	1	đạt
		80	0,75			
3	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng (%)	≥ 70	1	94,88%	1	đạt
		50	0,75			
V.1.2.3	Cấp nước		2,25-3		3	
1	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt (lít/người/ngày.đêm)	≥ 100	1	178,8	1	đạt
		80	0,75			
2	Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch (%)	≥ 95	2	100%	2	đạt
		80	1,5			
V.1.2.4	Hệ thống viễn thông		2,25-3		2	
1	Số thuê bao băng rộng di động (số thuê bao/100 dân)	≥ 80	1	169%	1	đạt
		70	0,75			
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang (%)	100	1	112,1%	1	đạt
		60	0,75			
3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (%)	≥ 50	1			
		20	0,75			
V.1.3	Vệ sinh môi trường		10,5-14		9,5	
V.1.3.1	Hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng		2,25-3		3	
1	Mật độ đường cống	≥ 3	2	7,33	2	đạt

	thoát nước chính (km/km ²)	2,5	1,5			
2	Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng (%)	≥ 20	1	>20	1	đạt
		10	0,75			
V.1.3.2	Thu gom, xử lý nước thải, chất thải		3,75-5		3	
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy (%)	≥ 85	1	100%	1	đạt
		70	0,75			
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật(%)	≥ 15	2	0%	0	không đạt
		10	1,5			
3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)	≥ 90	1	98%	1	đạt
		80	0,75			
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	≥ 65	1	100%	1	đạt
		60	0,75			
V.1.3.3	Nhà tang lễ		1,5-2		0	
1	Nhà tang lễ (cơ sở)	**	1	0	0	không đạt
			0,75			
2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%)	≥ 10	1	0	0	không đạt
		5	0,75			
V.1.3.4	Cây xanh đô thị		3-4		3,5	
1	Đất cây xanh toàn đô thị (m ² /người)	≥ 8	2	4,2	1,5	đạt
		6	1,5			
2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị (m ² /người)	≥ 4	2	2,57	2	đạt
		3	1,5			
V.1.4	Kiến trúc, cảnh quan đô thị		9-12		7,5	
1	Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị	100% các phường thị trấn đã thực hiện tốt quy chế	2	100% các phường thị trấn đã thực hiện tốt quy chế	2	đạt
		75% các phường thị trấn đã thực hiện tốt quy chế	1,5			
2	Tỷ lệ tuyến phố văn	≥ 30	2	0%	0	không

	minh đô thị/ tổng số đường chính (%)	20	1,5			đạt
3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị (dự án)	≥ 2	2	2	2	đạt
		1	1,5			
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị (khu)	≥ 2	2	2	2	đạt
		1	1,5			
5	Có công trình kiến trúc tiêu biểu (công trình)	Có 1 công trình cấp là di tích cấp quốc gia đặc biệt	2	Có công trình cấp tỉnh	1,5	đạt
		Có 1 công trình là di tích cấp quốc gia hặc cấp tỉnh hặc công trình kiến trúc loại I hoặc loại II được cơ quan có thẩm quyền công nhận	1,5			
6	Công trình xanh (công trình)	Có 2 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	1	0	0	không đạt
		Có 1 công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	0,75			
7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	≥ 2	1	0	0	không đạt
		1	0,75			
V.2	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thị		9-12		12	Đạt
	TỔNG CỘNG		75 - 100		87,0	

2.6.2. Nhận xét, đánh giá tổng hợp

a. Nhận xét, đánh giá một cách tổng quan về các tiêu chí trên.

Với những kết quả đánh giá về tình hình thực trạng phát triển của đô thị Đình Lập; đối chiếu với Nghị quyết về phân loại đô thị tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị ; đô thị Đình Lập đạt **88,5/100** điểm

Tiêu chí	Đánh giá với tiêu chí	Thang điểm
----------	-----------------------	------------

	ĐT loại V	
Tiêu chí 1: Vị trí, vai trò, chức năng, có cấu và trình độ PTKTXH:	19	15-20
Tiêu chí 2: Quy mô dân số đô thị đạt:	8	6-8
Tiêu chí 3: Mật độ dân số:	4,5	4,5-6
Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:	6	4,5-6
Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị:	49,5	45-60
Tổng	87	75-100

b. *Xác định cụ thể các chỉ tiêu chưa đạt chuẩn;*

❖ *Nhóm tiêu chuẩn đã đạt và vượt mức tối đa của tiêu chuẩn quy định: có tổng số 35 tiêu chuẩn, nhóm tiêu chuẩn bao gồm các tiêu chuẩn sau:*

- (1) Cân đối thu chi ngân sách
- (2) Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (lần)
- (3) Tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ
- (4) Mức tăng trưởng trường kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)
- (5) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (%)
- (6) Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (%)
- (7) Dân số toàn đô thị (1000 người)
- (8) Dân số nội thị (100 người)
- (9) Mật độ dân số khu vực nội thị (người/km²)
- (10) Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị (%)
- (11) Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị (%)
- (12) Diện tích sàn nhà ở bình quân cho khu vực nội thị (m² sàn/người)
- (13) Tỷ lệ nhà ở kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố cho khu vực nội thị (%)
- (14) Đất xây dựng các công trình lịch sử công cộng đô thị (m²/người)
- (15) Đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở (m²/người)
- (16) Cơ sở y tế cấp đô thị (giường/10.000 dân)
- (17) Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị (cơ sở)
- (18) Công trình thương mại dịch vụ cấp đô thị (công trình)
- (19) Diện tích đất giao thông/dân số nội thị (m²/người)
- (20) Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng (%)
- (21) Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)
- (22) Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng (%)
- (23) Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt (lít/người/ngày.đêm)
- (24) Tỷ lệ dân được cấp nước sạch (%)
- (25) Số thuê bao băng rộng di động (số thuê bao/100 dân)
- (26) Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang (%)
- (27) Mật độ đường ống thoát nước chính (km/km²)
- (28) Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng (%)
- (29) Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy (%)
- (30) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)

- (31) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)
- (32) Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị (m²/người)
- (33) Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị
- (34) Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị (dự án)
- (35) Số lượng không gian công cộng của đô thị (khu)
- ❖ *Nhóm tiêu chuẩn đã đạt nhưng chưa đạt tối đa của tiêu chuẩn quy định: có tổng số 7 tiêu chuẩn, nhóm tiêu chuẩn bao gồm các tiêu chuẩn sau:*
- (1) Đất dân dụng (m²/người)
 - (2) Công trình văn hóa cấp đô thị (công trình)
 - (3) Công trình TDTT cấp đô thị (công trình)
 - (4) Đầu mối giao thông (Cảng hàng không - sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách). (Cấp)
 - (5) Cấp điện sinh hoạt (kwh/ng/năm)
 - (6) Đất cây xanh toàn đô thị (m²/người)
 - (7) Có công trình kiến trúc tiêu biểu (công trình)
- ❖ *Nhóm tiêu chuẩn chưa đạt tiêu chuẩn quy định: có tổng số 10 tiêu chuẩn, nhóm tiêu chuẩn bao gồm các tiêu chuẩn sau:*
- (1) Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước
 - (2) Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng (%)
 - (3) Mật độ đường giao thông đô thị
 - (4) Mật độ dân số đô thị (người/km²)
 - (5) Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (%)
 - (6) Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)
 - (7) Nhà tang lễ (cơ sở)
 - (8) Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%)
 - (9) Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính (%)
 - (10) Công trình xanh (công trình)
 - (11) Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh.

Tổng hợp Đánh giá các chỉ tiêu đạt, không đạt

Tiêu chí	So với đô thị loại V
Tiêu chí đạt tối đa	35
Tiêu chí chưa đạt tối đa	7
Tiêu chí không đạt	11

2.7. Một số chỉ tiêu quy hoạch đô thị được nghiên cứu trong đề án quy hoạch

2.7.1. Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030

a. Các chỉ tiêu về phát triển đô thị toàn tỉnh:

- Năm 2020: dân số toàn tỉnh khoảng 788.806 người; tỷ lệ tăng trung bình giai đoạn 2015-2020 là 1,0%/năm; Trong đó: tăng tự nhiên 0,65%; tăng cơ học: 0,35%.

- Dự báo năm 2030: dân số toàn tỉnh khoảng 948.078 người (tăng 159.372 người so với năm 2020); tỷ lệ tăng trung bình giai đoạn 2020 - 2030 là 1,86%/năm;

Trong đó: tỷ lệ tăng tự nhiên 0,7%; tỷ lệ tăng cơ học: 1,16%.

- Dân số đô thị năm 2020 khoảng 181.860 người; tỷ lệ đô thị hóa đạt 23,06%.

- Dân số đô thị năm 2030 khoảng 370.100 người; tỷ lệ đô thị hóa đạt 41,4%.

Các chỉ tiêu về phát triển hạ tầng xã hội và kỹ thuật đô thị

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2030
1	Dân số toàn tỉnh	người	788.706	948.078
	Tăng TB/năm trong giai đoạn trong đó:	%	1	1,86
	- Tăng tự nhiên:	%	0,65	0,7
	- Tăng cơ học	%	0,35	1,16
	Trong đó: - Dân số thành thị	người	181.860	370.100
	- Dân số nông thôn	người	606.846	577.978
2	Tỷ lệ đô thị hoá	%	23,06	41
3	Đất xây dựng đô thị	ha	10.148	25.993
	Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị (trung bình toàn tỉnh)	m ² /người	558	662
	Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị thị trấn Đình Lập	m ² /người	140-150	260-270
4	Số lượng đô thị	đô thị		
	Trong đó:			
-	Đô thị cấp tỉnh		1	1
-	Đô thị cấp huyện (thị trấn)		14	16
5	Chỉ tiêu nhà ở trung bình	m ² sàn/người	15-20	20-25
6	Chỉ tiêu cấp điện	KW/người		
-	Đô thị cấp huyện (thị trấn)		400	1000
7	Chỉ tiêu cấp nước	lít/người/ngày		
	Các đô thị loại V		100	120
8	Tỷ lệ thoát nước	%		
-	Các đô thị loại V		90	95
9	Chỉ tiêu điện thoại	máy/100 dân	10-15	20-30
10	Chỉ tiêu cây xanh đô thị	m ² /người	12	15
11	Chỉ tiêu đất giao thông	%	15-20	15-20
	Các đô thị loại V			

Các chỉ tiêu phát triển hạ tầng xã hội và kỹ thuật nông thôn

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2030
1	Dân số nông thôn	người	606.846	577.978

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2030
	Tỷ lệ so với toàn tỉnh	%	76,94	59
2	Đất xây dựng khu dân cư nông thôn	ha	4.350	4.400
	Chỉ tiêu đất xây dựng khu dân cư nông thôn	m ² /người	70-75	75-80
3	Chỉ tiêu đất ở trung bình	m ² /người	60-65	65-70
4	Chỉ tiêu cấp điện	KW/người	160	260
5	Chỉ tiêu cấp nước	lít/người/ngày	60	80
6	Tỷ lệ thoát nước	%	40	60

b. Đối với huyện Đình Lập:

Dự báo quy mô dân số huyện Đình Lập qua các giai đoạn quy hoạch

Hạng mục	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2050
Dân số toàn huyện	28.856	29.630	30.210	30.280
Dân số đô thị	6.388	7.450	8.050	17.670
Tỷ lệ đô thị hóa	22,1	25,1	26,6	58,4

*Theo dự thảo quy hoạch tỉnh Lạng Sơn
Quy mô cấp loại đô thị của huyện Đình Lập*

TT	Danh mục	Dân số năm 2020 của các xã dự kiến lên đô thị	Dân số đô thị				Phân loại đô thị			
			Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2050	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2050
	Huyện Đình Lập		6.388	7.450	8.050	17.670				
1	Thị trấn Đình Lập		4.778	5.450	5.850	10.000	V	V	V	IV
2	Đô thị Nông trường Thái Bình		1.610	2.000	2.200	3.000	V	V	V	IV
3	Đô thị Bính Xá	3.687				4.670				V

2.7.2. Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000

a. Quy mô:

- Quy mô lập quy hoạch: 1.572,000 ha; toàn bộ diện tích thị trấn 633,789 ha; mở rộng về phía Đông Nam xã Đình Lập 938, 211 ha.
- Quy mô dân số năm 2020 khoảng 5.300 người,
 - + Dự báo năm 2025 khoảng 7.000 người,
 - + Dự báo đến năm 2035 khoảng 10.000 người.

b. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Lạng Sơn và huyện Đình Lập; khai thác tối đa tiềm năng sẵn có, xây dựng phát triển thị trấn Đình Lập theo hướng bền vững, tạo tiền đề phát triển lên đô thị loại IV.

- Thúc đẩy quá trình đô thị hóa và tăng trưởng kinh tế ổn định, đáp ứng nhu cầu phát triển mới, hội nhập với sự phát triển chung của toàn huyện.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý quy hoạch xây dựng đô thị, lập các đồ án quy hoạch chi tiết và lập các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật thị trấn.

c. Tính chất:

- Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ; là đầu mối giao thông cửa ngõ phía Đông Nam tỉnh Lạng Sơn;

- Cơ cấu kinh tế: là thương mại, dịch vụ, du lịch, khoa học công nghệ và Nông lâm nghiệp.

- Là đầu mối giao thông quan trọng của ngõ phía Đông Nam của tỉnh, có ý nghĩa chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng.

Bảng cân bằng quy hoạch sử dụng đất

TT	Các loại đất	Hiện trạng			Năm 2025			Năm 2035		
		DT (ha)	m2/ng	%	DT(ha)	m2/ng	%	DT(ha)	m2/ng	%
A	Đất xây dựng đô thị (I+II)	76,00		100,0	191,04		100,0	268,79		100,0
I	Đất dân dụng	51,25	96,7	67,4	64,61	92,3	33,8	93,21	93,2	34,7
1	Đất ở (Đất ở đô thị, ở có vườn)	35,80	67,5	47,1	38,50	55,0	20,2	55,00	55,0	20,5
2	Đất công trình công cộng	6,39	12,1	8,4	10,01	14,3	5,2	12,71	12,7	4,7
3	Đất cây xanh TDTT	1,66	3,1	2,2	8,40	12,0	4,4	13,50	13,5	5,0
4	Đất giao thông	7,40	14,0	9,7	7,70	11,0	4,0	12,00	12,0	4,5
II	Đất ngoài dân dụng	24,75	46,7	32,6	126,43	180,6	66,2	175,58	175,6	65,3
1	Đất công nghiệp - TTCN	2,02	3,8	2,7	75,00	107,1	39,3	116,00	116,0	43,2
2	Đất giao thông đối ngoại (QL31)	10,30	19,4	13,6	5,52	7,9	2,9	14,31	14,3	5,3
3	Đất cơ quan, công trình sự nghiệp	5,49	10,4	7,2	5,38	7,7	2,8	6,14	6,1	2,3
4	Đất đầu mối KT, nghĩa địa	2,60	4,9	3,4	3,20	4,6	1,7	1,80	1,8	0,7
5	Đất an ninh quốc phòng	4,34	8,2	5,7	4,56	6,5	2,4	4,56	4,6	1,7
6	Đất du lịch sinh thái				32,77	46,8	17,2	32,77	32,8	12,2
B	Đất khác	1.496,0		100,0	1.381,0		100,0	1.303,2		100,0
1	Đất dự trữ phát triển đô thị				48,0		3,5	36,00		2,8
2	Đất nông - Lâm nghiệp	1.409,6		94,2	1.259,3		91,2	1.198,7		92,0
3	Đất khác, mặt nước, đất chưa SD	86,4		5,8	73,7		5,3	68,5		5,3
	Tổng cộng (A+B)	1.572,0			1.572,0			1.572,0		

(Nguồn Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000)



Quy hoạch sử dụng đất Quy hoạch chung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000

d. Định hướng phát triển không gian đô thị:

• Các khu vực kế thừa:

- Trung tâm hành chính huyện: trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, trụ sở Huyện ủy, trụ sở liên cơ quan, trụ sở cục thuế, các cơ quan đã được đầu tư xây dựng kiên cố trong khu trung tâm.

- Hệ thống giáo dục, trường lớp học các cấp, trường dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường nội trú tôn trọng hiện trạng đã được đầu tư xây dựng kiên cố, mở rộng quỹ đất, nâng tầng đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai;

- Trung tâm y tế, bệnh viện huyện tôn trọng địa điểm hiện trạng, cải tạo nâng cấp, nâng tầng đảm bảo quy mô giường bệnh đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân thị trấn và các khu vực lân cận;

- Trung tâm dịch vụ thương mại, chợ truyền thống tại khu 1 cần cải tạo nâng cấp, giảm mật độ xây dựng, mở rộng giao thông nội bộ đảm bảo an toàn PCCC, cải tạo, nâng cấp nâng tầng khu dịch vụ thương mại khu ngã tư trung tâm phục vụ nhu cầu thiết yếu cho nhân dân thị trấn, tạo điểm nhấn kiến trúc khu vực.

- Các khu ở, khu dân cư hiện hữu, thuộc các khu dân cư thị trấn cải tạo, xen cây, mở rộng giao thông nội bộ đảm bảo thuận tiện tới các khu chức năng thị trấn.

- Công trình công cộng: Xây dựng hoàn thiện khuôn viên cây xanh Đình Háng Sláp, cải tạo nâng cấp và xây dựng mới nhà văn hóa các khu dân cư trên địa bàn thị trấn và các thôn dân cư nằm trong giới hạn quy hoạch.

- Tôn trọng kế thừa các dự án: Khu đô thị phía Đông thị trấn, Khu dân cư khu 6 thị trấn, Trung tâm văn hóa thể thao và dân cư, các khu vực đã được điều chỉnh cục bộ quy hoạch hoặc dự kiến điều chỉnh cục bộ...

• **Xác định các công trình điều chỉnh và xây dựng mới:**

- Điều chỉnh ranh giới và diện tích thị trấn từ 633,789 ha lên 1.572,000 ha (bao gồm diện tích thị trấn hiện tại và mở rộng về phía Đông Nam theo định hướng) theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với một thị trấn huyện lỵ có quy mô dân số ≥ 8.000 người trở lên diện tích tự nhiên ≥ 14 km².

- Điều chỉnh trung tâm văn hóa thể thao hiện trạng tại khu 5 thị trấn sang khu 7, khu 8 thị trấn, bố trí nhà văn hóa đa chức năng, sân thể thao - Quảng trường trung tâm tổ chức sự kiện, công trình hỗn hợp kẹp giữa 2 đường chính đô thị là đường Yên Lập và đường 31/10 đảm bảo cho thoát người mỗi khi tổ chức sự kiện.

- Điều chỉnh một số cơ quan ban ngành ra khỏi trung tâm hành chính, đồ án bố trí quỹ đất xây dựng các cơ quan tại khu Nà Vắt giáp khu Công an huyện đang đầu tư xây dựng, địa điểm hiện trạng phát triển dân cư và tổ chức các công trình dịch vụ thương mại. Đề tạo bộ mặt kiến trúc khang trang, hiện đại khu trung tâm, đồng thời tạo quỹ đất xây dựng các cơ quan ban ngành của huyện và thị trấn đảm bảo quy mô cho phát triển ngành.

- Các khu dân cư mới, khu đô thị mới: được thiết kế và xây dựng đồng bộ với các quy định và chỉ tiêu sử dụng đất đáp ứng cho một khu ở khang trang, hiện đại tập trung tại trung tâm văn hóa thể thao, khu đô thị phía Đông, khu đô thị Phật Chi.

- Nhà ở xã hội: bố trí địa điểm xây mới đầu tư xây dựng nhà ở xã hội dành cho các hộ có thu nhập thấp đảm bảo an sinh xã hội tại khu vực thôn Phật Chi, kết hợp khu nhà ở chung cư phục vụ nhu cầu ở và sinh hoạt cho cán bộ, công nhân viên Cụm công nghiệp Đình Lập phía Nam thị trấn trong tương lai.

- Giáo dục: bố trí xây mới thêm phân trường tiểu học, phổ thông cơ sở, nhà trẻ mẫu giáo phục vụ cho khu dân cư phía Đông Nam thị trấn.

- Thành lập các điểm du lịch "Khu du lịch trải nghiệm, tâm linh, du lịch gắn với phát triển nông thôn" nhằm thu hút khách du lịch, phát triển kinh tế, thương mại, dịch vụ đô thị và tạo sức hút cho đô thị, tăng dân số cơ học. Tổ chức Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ Khuổi In phía Bắc thị trấn, xung quanh là đồi rừng lâm nghiệp trồng Thông, tạo môi trường đầu tư và thu hút khách du lịch dừng chân tại thị trấn.

- Trung tâm dịch vụ thương mại: bố trí tập trung tại khu trung tâm hiện trạng (Khu 1, khu 2), Chợ Đình Lập hiện trạng cải tạo chỉnh trang thành chợ truyền thống của thị trấn, xây dựng chợ phiên mới tại khu đô thị phía Đông thị trấn (phía Tây Bắc Trạm khí tượng) tạo điều kiện và phục vụ cho việc trao đổi hàng hóa, nông sản cho các thôn, xã lân cận. Phía Đông Nam bố trí dọc các tuyến đường chính đô thị và nút giao giữa đường tránh quốc lộ 31 và đường Hòa Bình hiện trạng tại thôn Phật Chi, kết hợp mô hình nhà ở hỗn hợp của các hộ gia đình tại các tuyến đường chính thị trấn, mô hình kinh doanh đa dạng với các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu phục vụ nhân dân thị trấn.

- Hệ thống công viên cây xanh, vườn hoa trung tâm và hệ thống các trung tâm khác được liên hệ và gắn kết với nhau bởi các trục không gian chính của đô thị (đường

Yên lập và đường 31/10) hệ thống cây xanh ven suối Đình Lập tạo cảnh quan đẹp cho toàn thị trấn, đồng thời cải tạo vi khí hậu cho đô thị, khu đất xung quanh Trạm Khí tượng thủy văn trong bán kính không cho xây dựng công trình bố trí kết hợp cây xanh và là khu vui chơi giải trí cho thanh thiếu niên thị trấn. Công viên trung tâm được bố trí tại khu 6 thị trấn (giai đoạn sau năm 2035), kết hợp với khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ Khuổi In tạo một không gian xanh cho thị trấn.

- Đất an ninh quốc phòng: Ban chỉ huy quân sự huyện đã chuyển về thôn Bình Chương, Công an huyện được bố trí địa điểm mới tại khu vực Nà Vắt phía Đông Bắc khu đô thị phía Đông thị trấn, địa điểm hiện trạng bố trí khu chức năng thuộc công an huyện, địa điểm Bộ chỉ huy quân sự huyện hiện trạng sử dụng vào mục đích quốc phòng;

- Cụm công nghiệp: trong giai đoạn đầu bố trí cụm công nghiệp Đình Lập I, thuộc thôn Khe Mạ phía Đông Nam thị trấn, diện tích khoảng 71,39ha; giai đoạn sau bố trí cụm công nghiệp II tại thôn Bình Chương giáp tuyến QL31 với quy mô khoảng 70,0ha, khai thác triệt để thế mạnh của huyện về công nghiệp, nông, lâm nghiệp, tạo công ăn việc là cho lực lượng lao động địa phương, thu hút đầu tư và nhập cư cơ học.

- Đất đai dự trữ phát triển đô thị dự kiến trong khu quy hoạch: gồm các sườn đồi thấp, vườn cây ăn quả, các khu đất nông nghiệp hoang hóa bạc màu thuộc trong địa giới hành chính thị trấn và các thôn xã Đình Lập.

- Điều chỉnh quy mô và hướng tuyến đường tránh quốc lộ 4B từ Km 52 đi theo hướng Tây Bắc, nhập với đường tránh quốc lộ 31 tại dốc Phai Lý, đi men sườn đồi phía Đông Nam nhập với quốc lộ 4B tại Km 58+328, đường tránh quốc lộ 4B hiện trạng (đường 31/10) trở thành đường nội thị.

- Hạ tầng kỹ thuật khác: Nghĩa trang, từng bước hạn chế và không mai táng tại các khu vực đối xung quanh thị trấn gây mất vệ sinh môi trường, tập chung mai táng tại nghĩa trang thị trấn tại khu Phai Lì theo quy định.

e. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

• Giao thông đối ngoại:

- Đường Quốc lộ 4B từ thành phố Lạng Sơn đi qua khu trung tâm thị trấn đi thị trấn Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh, đoạn qua trung tâm thị trấn được quy hoạch tránh tuyến nhằm giảm lưu lượng xe qua khu trung tâm và hạn chế phá dỡ các công trình kiến trúc dọc theo tuyến, lấy điểm đầu tại Km 52 đi vòng theo hướng Tây Nam và nhập với đường tránh QL31 tại khu vực dốc Phai Lý, điểm cuối nhập với quốc lộ 4B hiện trạng tại Km 58+328.

- Đường Quốc lộ 31 từ Bắc Giang đi cửa khẩu Bản Chắt qua trung tâm thị trấn Đình Lập được quy hoạch tránh qua khu trung tâm lấy điểm đầu tại Km 128+400 QL31 giao với QL4B tại Km 56, điểm cuối giao với QL31 tại Km 132+250. Chỉ giới đường đỏ 2 tuyến này là 24m, mặt cắt ngang (4,5+15+4,5)m.

• Giao thông tỉnh:

- Bến xe thị trấn bố trí tại phía Nam nút giao giữa đường tránh QL31 và QL4B thuộc thôn Phật Chỉ phục vụ cho khu vực thị trấn đi Lạng Sơn, Quảng Ninh, Bắc Giang, bản Chắt và các vùng phụ cận.

- Bãi xe được bố trí tại các khu công cộng: khuôn viên cây xanh, sân thể thao, quảng trường, bố trí xen với các khu dân cư.

- Cần phải quy hoạch đủ diện tích dành cho giao thông tĩnh, có tính đến việc dự phòng xu hướng gia tăng, cơ giới hóa cho cư dân.

- Diện tích bãi đỗ xe cho các khu vực dân dụng được tính theo chỉ tiêu 2-3m²/người, nghĩa là tổng diện tích dành cho bãi đỗ xe ở khu vực dân dụng là 3.8ha đến năm 2025

- Để tiết kiệm diện tích xây dựng, diện tích xây dựng bãi đỗ xe tập trung đến năm 2035 khoảng 3ha, còn lại sẽ có các giải pháp đỗ xe khác như xây dựng gara cao tầng, đỗ xe dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ, trong công trình, dưới tầng hầm.v.v

- **Giao thông nội thị:**

- Với mô hình đô thị kéo dài theo tuyến QL4B, giao thông đô thị theo chiều dọc giữ vai trò chủ đạo: trục chính đô thị đường Yên Lập, đường Hòa Bình, kéo dài từ thôn Còn Đuống đến thôn Phật Chi, đường 31/10 kéo dài đến Km 56+950 thuộc thôn Khe Mạ. Mạng lưới đường nội bộ xây dựng tùy thuộc chức năng sử dụng đất để đảm bảo liên hệ thuận lợi

- **Quy hoạch san nền:**

- Với đặc điểm là một khu vực đô thị miền núi, hiện trạng xây dựng với mật độ thấp, lựa chọn phương án san nền là đắp nền kết hợp với đào đắp cục bộ theo công trình, nhóm công trình và cụm công trình.

- Tại những khu vực xây dựng có cao độ nền hiện trạng cao, khi xây dựng chỉ cần san gạt cục bộ tạo độ dốc thuận lợi cho thoát nước mặt.

- Đối với khu vực có cao độ nền thấp, chủ yếu nằm về 2 phía suối Đình Lập và khu vực đồng ruộng, khi xây dựng cần tôn nền đến cao độ thiết kế. Khu vực hiện trạng dân cư xây dựng với mật độ cao giữ nguyên cao độ hiện trạng.

- Hướng dốc nền đảm bảo thoát nước tự chảy $i \geq 0,004$, hướng thoát nước ra sông Thương.

- **Định hướng cấp nước:**

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước mặt sông Kỳ Cùng được xử lý tại nhà máy nước khu 2 thị trấn với công suất thiết kế 2.400 m³/ngđ. Công suất vận hành hiện tại đạt 1.000m³/ngđ. Hiện tại hệ thống cấp nước thị trấn cấp được cho toàn khu vực. Mạng lưới đường ống cấp nước có đường kính từ D50 đến D225mm.

- Mạng lưới đường ống: Căn cứ vào mạng lưới cấp nước hiện có, thiết kế thêm các tuyến ống mới đảm bảo cấp nước tới các hộ tiêu thụ. Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng. Đường ống dẫn chính từ nhà máy ra có đường kính từ D50 đến D225mm. Đầu nối đường ống mới đến các khu dân cư, các điểm dùng nước từ đường ống hiện trạng đã có trên quốc lộ 4B

- **Định hướng cấp điện:**

- Nguồn điện : Nguồn điện cung cấp cho thị trấn Đình Lập do nguồn điện của mạng lưới quốc gia thông qua trạm biến áp 110KV Nhị Thanh cách thị trấn Đình Lập khoảng 55km. Hiện tại nguồn điện cung cấp cho huyện Đình Lập và vùng xung quanh với công suất yêu cầu của thị trấn trong giai đoạn đầu và tương lai sẽ không đảm bảo. Để đáp ứng nhu cầu dùng điện cho thị trấn sẽ cải tạo mạng lưới 35kv hiện có, xây dựng

trạm trung gian 110/35KV cung cấp điện cho khu công nghiệp của thị trấn có công suất giai đoạn đầu 8400KW.

- Lưới điện:

- Hiện tại lưới 35KV đang cấp điện cho thị trấn trong một thời gian dài mạng lưới điện không được cải tạo và quy hoạch lại. Các đường dây 35KV đi qua khu dân cư không đảm bảo an toàn cho người và hành lang cách điện. Để đảm bảo an toàn cung cấp điện cho thị trấn tiến hành cải tạo toàn bộ lưới 35KV theo cấp điện áp chuẩn của ngành điện quy định.

- Đường dây 35KV được cải tạo cũng như xây dựng mới sẽ bố trí đi trên vỉa hè đảm bảo hành lang an toàn cách điện.

- Đường dây 35KV trong khu dân cư nhất thiết đường dây phải dùng dây bọc cách điện ,đường dây ngoài khu dân cư có thể dùng dây trần. Đường dây 35KV đi trong khu trung tâm trong điều kiện kinh tế cho phép có thể dùng cáp ngầm .

+ Đường trục chính Cu/XLPE/DSTA-(3X240)mm

+ Đường nhánh CU/XLPE/DSTA-(3x95,3X70)mm.

- Trạm lưới 35/0,4 KV

- Trên cơ sở nhu cầu dùng điện của từng khu vực bố trí các trạm lưới 35/0,4KV đáp ứng cung cấp điện .

- Theo tính toán nhu cầu dùng điện của thị trấn giai đầu 1.820KW. Dự kiến xây dựng thêm 3 trạm 35/0,4kv và cải tạo 14 trạm biến áp 35/0,4kv.

- Hình thức trạm : Để đảm bảo mỹ quan đô thị các trạm dùng trạm xây ,hoặc trạm ki ốt trọn bộ (trong điều kiện kinh tế không cho phép có thể dùng trạm treo trên cột).Các trạm được tại trung tâm phụ tải của khu vực.

- Do mật độ phụ tải của thị trấn không đồng đều cho nên có thể chọn công suất trạm 180 đến 560 KVA . Tuy nhiên tùy công suất cụ thể của từng khu vực có thể đặt các máy biến áp lớn hơn hoặc nhỏ hơn cho phù hợp . Máy biến áp dùng loại 3 pha. Bán kính phục vụ của các trạm đảm bảo ≤ 250 đến 300m .

- Lưới hạ áp 0,4 KV : Đối với các tuyến 0,4 KV hiện có vẫn giữ nguyên để cung cấp điện cho các phụ tải. Tuyến đường dây có tiết diện bé sẽ cải tạo nâng tiết diện đảm bảo cấp điện cho các phụ tải .

- Mạng lưới 0,4 KV xây dựng mới bố trí đi ngầm

- Lưới 0,4 KV tổ chức theo mạng hình tia dùng cáp vặn xoắn ABC

+ Đường trục Cu/XLPE/DSTA (4x120)

+ Đường nhánh Cu/XLPE/DSTA (4x70)

- Bán kính kính phục vụ của mạng lưới hạ thế đảm bảo nhỏ hơn 300m

- Đối với những phụ tải loại I cần bố trí 2 đường dây 0,4KV từ 2 nguồn của 2 trạm 35/0,4KV.

- Lưới chiếu sáng : Chỉ tiêu chiếu sáng đường đảm bảo độ chói của mỗi loại đường .Toàn bộ các đường có mặt cắt $\geq 3,5$ m đều được chiếu sáng . Đường có mặt cắt ≥ 11 m bố trí 2 tuyến chiếu sáng 2 bên đường . Đường có mặt cắt $\geq 10,5$ m bố trí 1 tuyến chiếu sáng 1 bên đường.

+ Chiếu sáng đường dùng đèn Led cao áp 150W 220V

- + Chiếu sáng vườn hoa công viên dùng đèn chùm đèn nắm và các loại đèn trang trí tạo cảnh quan cho đô thị .
- + Cột đèn chiếu sáng dùng loại cột có kiểu dáng đẹp phù hợp với kiến trúc cảnh quan đô thị .
- + Đối với trục trung tâm thị trấn tuyến chiếu sáng bố trí đi ngầm dùng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-(4x25)

• ***Định hướng quy hoạch thoát nước bản***

Trong giai đoạn đầu đến năm 2025 đề xuất áp dụng hệ thống thoát nước chung để thoát nước bản. Dài hạn đến 2035 khi khu vực nghiên cứu được đô thị hoá sẽ xây dựng bổ sung các tuyến cống bao để tách nước bản ra xử lý tập trung tại trạm xử lý nước bản tập trung.

- *Giai đoạn đầu đến năm 2025*

- Hệ thống thoát nước chung: Nước bản được thoát chung với hệ thống thoát nước mưa. Nước bản ở từng hộ gia đình, các công trình công trình dịch vụ công cộng trước khi xả ra hệ thống cống thoát nước chung của thị trấn đều phải được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn hợp quy cách.

- Các khu đô thị mới, khu dân cư mới sẽ xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

- *Giai đoạn đến năm 2035*

- Khi hệ thống thoát nước mưa đã hoàn thiện, để tăng cường chất lượng VSMT, khu vực trung tâm đông dân cư sẽ dùng hệ thống thoát nước nửa riêng. Bổ sung các tuyến cống bao BTCT D300÷D600 và giếng tách nước bản tại các miệng xả nước mưa để thu nước bản sinh hoạt đưa về trạm xử lý tập trung (tính toán lượng thải cho các tuyến cống bao và các công trình đầu mối, áp dụng hệ số pha loãng k=2). Toàn bộ khu vực nghiên cứu được chia thành hai lưu vực:

+ Lưu vực phía Bắc : Nước bản sinh hoạt được thu qua các tuyến cống dẫn về trạm xử lý 1. Công suất trạm xử lý 1 = 500 m³/ngđ, diện tích chiếm đất 0,2 ha.

+ Lưu vực phía Nam: Nước bản sinh hoạt được thu qua các tuyến cống dẫn về trạm xử lý 2. Công suất trạm xử lý 2 = 800 m³/ngđ, diện tích chiếm đất 0,3 ha.

+ Nước bản xử lý đạt tiêu chuẩn loại B theo TCVN 7222-2002 - Tiêu chuẩn nước thải sau trạm xử lý - trước khi xả ra suối Đình Lập

- *Nước bản sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.*

- Nước bản từ các cụm công nghiệp phải được xử lý qua bể tự hoại, nếu có dầu mỡ phải cho qua bể tách dầu trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của thị trấn.

• ***Quy hoạch thu gom, xử lý chất rắn rắn:***

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt tại thị trấn được thu gom tập trung. Chất thải cần được phân loại tại nguồn thành chất thải rắn vô cơ (kim loại, thủy tinh, giấy, nhựa...) và chất thải rắn hữu cơ (thực phẩm thừa, rau, quả, củ...). Hai loại này được để vào bao chứa riêng. Chất thải rắn vô cơ được thu gom định kỳ và tận dụng đem đi tái chế. Chất thải rắn hữu cơ được thu gom hàng ngày đem đi chôn lấp tại khu xử lý

chất thải rắn của thị trấn. Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy trong các khu đông dân cư ở các vị trí thuận tiện cho việc thu gom.

- Chất thải rắn cơ sở sản xuất kinh doanh:
 - + Các nhà máy cần tận dụng những phế thải của mình để tái sử dụng hoặc bán cho các nhà máy khác sử dụng lại nhằm hạ giá thành sản phẩm.
 - + Các loại phế thải không sử dụng lại được sẽ đưa đến khu xử lý chất thải chung của thị trấn để xử lý.
 - + Chất thải công nghiệp nguy hại và chất thải bệnh viện cần được thu gom và xử lý riêng tại khu xử lý chất thải chung của thị trấn.
- Giải pháp thu gom: Sử dụng các thùng chứa rác bố trí các khu vực công cộng, dọc theo các tuyến dân sinh được thu gom trong ngày vận chuyển tới Trạm trung chuyển và vận chuyển tới khu xử lý rác Phai Lý của thị trấn.

2.8. Xác định các tiêu chí, tiêu chuẩn để đầu tư xây dựng phát triển đô thị

2.8.1. Quan điểm

- Chương trình phát triển đô thị thị trấn Đình Lập phải phù hợp và cụ thể hóa Định hướng kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030; Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035;

- Các chỉ tiêu phát triển đô thị được xác định trên cơ sở các chỉ tiêu chính về chất lượng đô thị được quy định tại về phân loại đô thị được quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 đối chiếu với các tiêu chuẩn đạt được hiện trạng để xác định các chỉ tiêu cần đạt được cho đô thị trong các giai đoạn đến năm 2035.

- Phát triển đô thị thị trấn đáp ứng yêu cầu chuyển dịch kinh tế, cơ cấu cấu lao động, phân bố dân cư hợp lý giữa các khu vực trong đô thị; khai thác tốt tiềm năng, lợi thế sẵn có liên kết phát triển với các đô thị, địa phương trong và ngoài huyện; đồng thời đảm bảo sử dụng hiệu quả quỹ đất xây dựng, từng bước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; Xây dựng đô thị có điều kiện đảm bảo, nâng cao chất lượng sống của người dân.

Nguyên tắc xác định chỉ tiêu phát triển đô thị:

- Các chỉ tiêu đặt ra phải có tính khả thi, phù hợp đặc điểm và điều kiện phát triển của đô thị, đảm bảo đạt mục tiêu phát triển đô thị theo định hướng quy hoạch đã đặt ra.

- Một số chỉ tiêu theo Quyết định 1659 cao hơn hoặc thấp hơn so với tiêu chuẩn phân loại đô thị được quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 thì tùy theo đặc điểm hiện trạng đô thị và mục tiêu phát triển đô thị để xác định cho phù hợp

- Đối với các chỉ tiêu mà theo Quyết định 1659 cao hơn so với tiêu chuẩn quy định phân loại đô thị tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 thì tùy theo đặc điểm hiện trạng: Nếu hiện trạng đô thị đã đạt bằng hoặc cao hơn tiêu chuẩn phân loại đô thị nhưng chưa đạt theo chỉ tiêu tại Quyết định 1659 thì chỉ tiêu đặt ra là duy trì tiêu chuẩn đạt như hiện trạng để tập trung ưu tiên phần đầu cho các chỉ tiêu còn chưa đạt điểm theo tiêu chuẩn phân loại đô thị. Nếu hiện trạng đô thị chưa đạt theo tiêu chuẩn phân loại đô thị thì các chỉ tiêu sẽ

được xác định theo tiêu chuẩn quy định phân loại đô thị tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13.

2.8.2. Xác định các tiêu chí, tiêu chuẩn để đầu tư xây dựng phát triển đô thị

- Xem xét các tiêu chí của một đô thị V, so sánh với thực trạng phát triển kinh tế xã hội và tình hình phát triển đô thị tại thời điểm hiện nay, đô thị thị trấn Đình Lập còn một số các tiêu chí chưa đạt theo quy định.

- Các tiêu chí và tiêu chuẩn cần được tập trung đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 như sau:

- (1) Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước (≥ 1)
- (2) Tăng tỷ lệ đất giao thông khu so với đất xây dựng ($\geq 11\%$)
- (3) Tăng mật độ đường giao thông đô thị ($\geq 5 \text{ km/km}^2$)
- (4) Đẩy nhanh tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình ($\geq 20\%$)
- (5) Thu hút lao động, dân cư quy đổi để tăng mật độ dân số toàn thị trấn lên (≥ 1000 người/km²)
- (6) Tăng tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật ($\geq 10\%$)
- (7) Nâng cấp cải tạo tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính ($\geq 20\%$)
- (8) Xây mới bổ sung công trình xanh (công trình).
- (9) Xây dựng khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh.

- Các tiêu chí và tiêu chuẩn cần được tập trung đầu tư trong giai đoạn 2026-2030 như sau:

- (1) Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước ($\geq 1,25$)
- (2) Tăng tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng ($\geq 16\%$)
- (3) Tăng mật độ đường giao thông đô thị ($\geq 6 \text{ km/km}^2$)
- (4) Đẩy nhanh tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình ($\geq 50\%$)
- (5) Thu hút lao động, dân cư quy đổi để tăng mật độ dân số toàn thị trấn lên (≥ 1200 người/km²)
- (6) Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt đạt $>1.000 \text{ kwh/ng/năm}$
- (7) Tăng tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật ($\geq 10\%$)
- (8) Xây mới bổ sung công trình xanh (công trình).
- (9) Xây dựng khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh.

- Các tiêu chí và tiêu chuẩn cần được tập trung đầu tư trong giai đoạn 2031-2035 như sau:

- (1) Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước ($\geq 1,25$)
- (2) Tăng tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng ($\geq 16\%$)
- (3) Tăng mật độ đường giao thông đô thị ($\geq 6 \text{ km/km}^2$)

- (4) Đẩy nhanh tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình ($\geq 50\%$)
- (5) Thu hút lao động, dân cư quy đổi để tăng mật độ dân số toàn thị trấn lên (≥ 1200 người/km²)
- (6) Tăng tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật ($\geq 15\%$)
- (7) Xây mới nhà tang lễ (1 cơ sở)
- (8) Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng ($\geq 10\%$)
- (9) Nâng cấp cải tạo tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính ($\geq 30\%$)
- (10) Xây mới bổ sung công trình xanh (công trình).
- (11) Xây dựng khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh.
- (12) Đầu tư xây dựng thêm các công viên cây xanh đảm bảo (≥ 8 m²/người).

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐÌNH LẬP, HUYỆN ĐÌNH LẬP ĐẾN NĂM 2035.

3.1. Danh mục lộ trình triển khai các khu vực phát triển đô thị

3.1.1. Nguyên tắc chung

- Định hướng lộ trình phát triển đô thị dựa trên các kế hoạch, dự án đầu tư hạ tầng kinh tế của quốc gia, của tỉnh và của huyện trên địa bàn theo tiêu chí cơ sở hạ tầng đi trước.
- Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng khung đồng bộ, hình thành mạng lưới kết nối các khu vực phát triển đô thị theo hướng tạo thành các hành lang hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo giao thông đi trước một bước.
- Ưu tiên phát triển các khu vực đô thị có vị thế, vai trò hạt nhân thúc đẩy phát triển vùng huyện, khu vực đô thị gắn với các trọng điểm kinh tế.
- Ưu tiên đầu tư các hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật (trong đó ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển hạ tầng đô thị, giao thông, điện ..), các công trình đầu mối đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Tập trung hoàn thiện các phân khu chức năng đô thị theo quy hoạch đô thị; nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị còn yếu theo các chỉ tiêu về phân loại đô thị để nâng cao chất lượng đô thị.

3.1.2. Các khu vực phát triển đô thị - Thị trấn Đình Lập

Khu vực thị trấn Đình Lập được chia thành 02 khu vực phát triển chính:

- Khu vực 1: Khu vực trung tâm hiện hữu: 633,8 ha
- Khu vực 2: Khu vực mở rộng : 938,2 ha

a. Khu vực trung tâm thị trấn Đình Lập hiện hữu: (Khu 1)

- **Khu vực cải tạo chỉnh trang mở rộng bao gồm:** Cải tạo, mở rộng các khối cơ quan ban ngành.
- **Khu vực phát triển mới:** Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu 6 , khu đô thị ở mới thuộc trung tâm thị trấn.
- **Khu vực có chức năng :**

- Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập
- Nhà văn hóa, quảng trường Khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập
- Sân vận động, hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập
- Bổ sung, xây mới nhà văn hóa Khu 7
- Bổ sung xây mới nhà văn hoá khu 8
- Cải tạo, nâng cấp chợ trung tâm thị trấn Đình Lập
- Bổ sung, xây mới trường THCS (theo QHC)
- Bổ sung, xây mới trường Tiểu học (theo QHC).

b. *Khu vực phát triển mới phía Đông Nam thị trấn Đình Lập: (Khu 2)*

- ***Khu vực phát triển mới:*** đầu tư xây dựng khu đô thị ở mới
- ***Khu vực có chức năng :***
 - CN1.1: cụm công nghiệp Bình Chương: 70 ha.
 - CN1.2: cụm công nghiệp Đình Lập: 71,39 ha.

3.1.3. ***Lộ trình thực hiện***

a. *Nguyên tắc xây dựng lộ trình:*

- Tuân thủ chủ trương, định hướng của các chương trình, kế hoạch phát triển, nâng cấp đô thị của tỉnh;
- Ưu tiên các khu vực phát triển đô thị có vị trí chiến lược, có vai trò thúc đẩy tới sự phát triển của đô thị;
- Ưu tiên các khu vực phát triển đô thị còn thiếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đặc biệt các khu vực tồn tại những vấn đề nóng, bức xúc của dân cư.
- Đánh giá phân tích các khu vực có năng lực tiếp nhận và thực hiện dự án, các khu vực có môi trường đầu tư tốt, hiệu quả.

b. *Xây dựng lộ trình triển khai phát triển khu vực đô thị*

- ***Giai đoạn đến năm 2025:*** Tập trung xây dựng phát triển, chỉnh trang nâng cấp đô thị.
- ***Giai đoạn năm 2026-2030:*** Cải tạo nâng cấp các công trình hiện có. Tiếp tục triển khai lập các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng theo định hướng điều chỉnh quy hoạch chung và kế hoạch, ưu tiên đầu tư xây dựng các khu dân cư đầu giá đất để thị trấn có kinh phí đầu tư hạ tầng đô thị. Đầu tư khu đô thị mới đã theo định hướng Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đình Lập đã được UBND tỉnh phê duyệt. Tập trung xây dựng phát triển các công trình mới, chỉnh trang đô thị để nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế xã hội hoàn thiện các tiêu chí đạt đô thị loại V.
- ***Giai đoạn năm 2031– 2035:*** Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân, tạo

diện mạo mới về kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh hiện đại. Phần đầu đạt tiêu chí cơ bản đô thị loại IV.

- Về quy hoạch đô thị: Tập trung lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết để chỉnh trang đô thị tại các khu vực thị trấn, xác định các danh mục cần được cải tạo và nâng cấp chỉnh trang hệ thống hạ tầng xã hội và hệ thống kỹ thuật

- Về hệ thống hạ tầng xã hội đô thị:

- + Dự án xây dựng Cải tạo nâng cấp hệ thống công trình giáo dục
- + Dự án xây dựng Cải tạo nâng cấp các công trình y tế.
- + Dự án xây dựng Cải tạo nâng cấp công trình chợ.
- + Dự án xây dựng Cải tạo hệ thống dịch vụ thương mại.
- + Dự án xây dựng Cải tạo hệ thống thể dục thể thao.
- + Dự án xây dựng Cải tạo hệ thống công công cộng.
- + Dự án xây mới công trình hạ tầng xã hội đảm bảo nhu cầu theo Điều chỉnh Quy hoạch chung Đình Lập

➤ Về hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- + Tiếp tục nâng cấp các tuyến giao thông khung như: Quốc lộ 4B đoạn tránh qua thị trấn đạt cấp III; Nâng cấp quốc lộ 31 đoạn qua thị trấn đạt cấp III; Xây dựng tuyến tránh quốc lộ 31 đoạn qua thị trấn đạt cấp IV.
- + Hoàn thiện và nâng cấp trạm dừng nghỉ Đình Lập đạt loại 3
- + Nâng cấp bến xe Đình Lập đạt loại 4.
- + Xây dựng hệ thống bãi đỗ xe thị trấn Đình Lập.
- + Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống đường nội thị của thị trấn Đình Lập.
- + Cải tạo hệ thống mương và cống hộp đảm bảo thoát nước mặt; xây dựng hệ thống kè và đập giữ nước cho các hồ trong khu vực thị trấn.
- + Xây dựng mới và thay thế các trạm biến áp trung thế.
- + Xây dựng mới 2 tuyến trung thế và cải tạo hệ thống điện trung thế, hạ thế và chiếu sáng đảm bảo mỹ quan đô thị (khuyến khích hạ ngầm các tuyến điện trên các phố chính của thị trấn).
- + Xây dựng mới phủ kín hệ thống chiếu sáng đường giao thông chính và chiếu sáng ngõ hẻm.
- + Hoàn thiện các tuyến cáp quang thông tin và đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ nền tảng cho chuyển đổi số.
- + Đầu tư các phần mềm nền tảng, số hóa cơ sở dữ liệu phục vụ cho chuyển đổi số.
- + Nâng cấp hệ thống cấp nước đảm bảo phục vụ cho nhu cầu của thị trấn bao gồm: (nâng công suất trạm, hoàn thiện mạng lưới cấp nước chính, bổ xung các trạm cứu hỏa và điểm lấy nước phục vụ phòng cháy chữa cháy).
- + Khuyến khích xây dựng trạm xử lý nước thải và hệ thống đường ống thoát nước thải riêng.
- + Xây dựng nghĩa trang nhân dân của thị trấn.

- + Dự án xây dựng Công trình công cộng cấp đô thị
 - + Dự án xây dựng Cải tạo chỉnh trang kiến trúc cảnh quan đô thị
 - + Dự án xây dựng Cải tạo chỉnh trang đô thị các khu di tích lịch sử
 - + Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chung đô thị thị trấn Đình Lập đến năm 2035.
 - + Tiếp tục huy động vốn để đầu tư các dự án phát triển đô thị khu đô thị mới.
 - + Tiếp tục xây dựng hạ tầng kêu gọi đầu tư đối với cụm công nghiệp Bình Chương (Cụm công nghiệp Đình Lập đang triển khai thực hiện)
- Các nguồn vốn chủ yếu sử dụng vốn xã hội hóa, kêu gọi các khu dân cư đóng góp để đầu tư hạ tầng. Vốn ngân sách nhà nước chủ yếu hỗ trợ các địa phương lập các chương trình, đề án về vốn xã hội hóa.

3.1.4. Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được phù hợp với quy hoạch chung đô thị, Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15.

Đề cụ thể hóa các mục tiêu đề ra Chương trình phát triển đô thị thị trấn Đình Lập đạt chuẩn đô thị loại V, cần phải đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu sau:

- Tỷ lệ đô thị hóa: Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng nhanh lao động kỹ thuật, lao động trong ngành sản xuất công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, chuyển lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp các ngành nghề truyền thống và các lĩnh vực dịch vụ. Giải quyết việc làm cho người lao động, kết hợp hài hòa giữa giải quyết việc làm tại chỗ và đưa lao động đi làm việc bên ngoài thị trấn, kể cả xuất khẩu lao động, chú trọng phát triển lao động công nghiệp và dịch vụ.

- Tỷ lệ sàn nhà ở bình quân: Tăng cường huy động vốn, đầu tư xây dựng các dự án khu dân cư, khu đô thị và chỉnh trang các đô thị hiện hữu, tạo điều kiện cho việc hình thành đô thị, nâng cao đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương. Đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong tương lai. Phần đầu tỷ lệ sàn nhà ở bình quân đạt ≥ 28 m²/người, tỷ lệ nhà kiên cố đạt $\geq 90\%$.

- Tỷ lệ đất xây dựng đô thị so với diện tích đất xây dựng đô thị: Tập trung cải tạo và nâng cấp đường trong khu vực đô thị thị trấn, Xây dựng mới các tuyến đường mới theo quy hoạch xây dựng đô thị được duyệt. Phần đầu đến năm 2030 tỷ lệ đất giao thông đạt $\geq 16\%$ trở lên.

- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: Tăng cường đề xuất các tuyến xe buýt đi cố định từ thị trấn đi các huyện lân cận trong tỉnh. Phần đầu đến năm 2030 đô thị đạt 2-5%.

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch: Cải tạo và nâng cấp hệ thống các công trình đầu mới cấp nước thị trấn, tập trung huy động cải tạo và nâng cấp hệ thống mạng lưới cấp nước chính, mạng lưới phân phối cung cấp đến hộ các gia đình. Phần đầu đến năm 2030 duy trì tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch đạt $\geq 100\%$ và tiêu chuẩn cấp nước phần đầu đạt ≥ 100 lít/người.ngày.đêm.

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước: Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt $\geq 15\%$;

- Tỷ lệ CTR sinh hoạt của đô thị, khu CN được thu gom và xử lý: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 90%; 100% chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính: Tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính đô thị đạt 90% chiều dài các tuyến đường chính và 70% đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng.

- Tỷ lệ đất cây xanh đô thị: Tỷ lệ đất cây xanh đô thị đạt ≥ 8 m²/người.

- Cơ sở y tế: Phân đầu giữ vững chuẩn quốc gia về y tế. Đào tạo cán bộ y tế cấp cơ sở và từng bước trang bị thiết bị hiện đại phục vụ việc khám chữa bệnh cho nhân dân ngày một tốt hơn. Trong thời gian tới, thị trấn sẽ tiến hành nâng cấp trạm y tế. Đảm bảo ≥ 30 giường bệnh/10.000 dân.

- Giáo dục đào tạo: Đảm bảo giáo dục cấp đô thị ≥ 2 cơ sở.

- Văn hóa: Đảm bảo ≥ 2 công trình cấp đô thị.

- Thể dục thể thao: Trung tâm văn hóa thể dục-thể thao và học tập cộng đồng hoạt động có chất lượng tốt và đạt hiệu quả. Đảm bảo ≥ 2 công trình cấp đô thị.

3.1.5. Xây dựng danh mục dự án hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu môi hạ tầng kỹ thuật.

a. Mục tiêu chung

- Hạ tầng đô thị là một trong bốn lĩnh vực trọng tâm cần tập trung nguồn lực đầu tư, để xây dựng và phát triển đô thị thị trấn Đình Lập hoàn thiện tiêu chí đô thị loại V.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, góp phần phát triển hệ thống đô thị thị trấn Đình Lập bền vững, phối hợp chia sẻ với phát triển chung của tỉnh Lạng Sơn.

- Tăng cường quản lý và phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, góp phần thực hiện thành công định hướng phát triển đô thị trong những năm tới, cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ.

b. Mục tiêu cụ thể

- Về giao thông: Bảo đảm kết nối các trung tâm đô thị đến các vùng đô thị trong tỉnh và kết nối với các đô thị lớn trong vùng bằng hệ thống giao thông quốc gia và với các đầu mối giao thông cửa ngõ bằng hệ thống giao thông đồng bộ, năng lực vận tải được nâng cao, giao thông được thông suốt, an toàn.

- Về cung cấp điện: Bảo đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; đi đôi với tiết kiệm, giảm tiêu hao điện năng.

- Về cung cấp nước: Bảo đảm cung cấp đủ nước sạch cho đô thị và tiên tới đến năm 2030 đạt 100% dân cư đô thị sử dụng nước sạch.

- Về thoát nước mưa: Bảo đảm 100% tuyến đường đô thị có hệ thống thoát nước mưa, không ngập úng khi mùa mưa đến.

- Về thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: phân đầu đến năm 2030 có trạm xử lý nước thải đô thị và 100% chất thải được thu gom và xử lý.

- Về hạ tầng khác, từng bước phát triển đồng bộ và hiện đại, giải quyết cơ bản tình trạng ách tắc giao thông, úng ngập; cung cấp ổn định điện, nước và xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường.

c. Quan điểm - nguyên tắc

- Tuân thủ định hướng quy hoạch đô thị và các định hướng lớn của Quốc gia, tỉnh và Vùng.

- Ưu tiên xây dựng các công trình trọng điểm có sức tác động đến kinh tế xã hội của đô thị.

- Phối, kết hợp giữa các công trình, dự án có vốn đầu tư công và vốn doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất cho sự phát triển đô thị.

• *Giao thông:*

- Tập trung đầu tư các dự án chuyển tiếp, các công trình trọng điểm: Các tuyến giao thông kết nối vào các khu vực trung tâm đô thị và khu công nghiệp, các tuyến giao thông kết nối các tuyến đường cao tốc; nâng cao năng lực vận tải hành khách và hàng hóa; đồng thời phát triển hạ tầng đô thị, nông thôn đặc biệt các xã điểm nông thôn mới.

- Ưu tiên đầu tư nâng cấp và mở rộng các tuyến đường chính đô thị; Duy tu và nâng cấp để đảm bảo giao thông các tuyến quốc lộ; Nâng cấp một số tuyến giao thông đô thị khu vực thị trấn.

• *Cấp điện:*

- Phát triển lưới điện truyền tải đồng bộ, phù hợp với tiến độ vận hành các nhà máy điện.

- Nghiên cứu áp dụng lưới điện thông minh, công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng lưới điện phân phối.

- Kết nối, hoà mạng đồng bộ hệ thống điện đô thị với hệ thống điện vùng và lưới Quốc Gia.

• *Cấp nước:*

- Trên cơ sở nhu cầu sử dụng nước sạch cho các khu công nghiệp, khu dân cư hiện hữu và theo quy hoạch, tiếp tục triển khai và đẩy nhanh tiến độ các dự án xây dựng nhà máy cấp nước, các tuyến ống cấp nước và kêu gọi xã hội hóa các hệ thống cấp nước cho các khu dân cư và chú trọng đầu tư hệ thống cấp nước cho nông thôn

• *Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:*

- Ưu tiên xây dựng hệ thống thoát nước thải khu vực dân cư hiện hữu, đảm bảo 100% có hệ thống thoát nước, ưu tiên đầu tư trang thiết bị để thu gom và xử lý CTR trên địa bàn thị xã từng bước hoàn thiện.

3.1.6. Quản lý quy hoạch và phát triển các khu đô thị thị trấn Đình Lập

(1) Điều chỉnh QH chung xây dựng thị trấn (Đã triển khai) Giai đoạn: 2021-2025

(2) Thiết kế đô thị cho các trục đường phố chính tại thị trấn

(3) Quy hoạch chi tiết khu dân cư hiện hữu (Đã triển khai) Giai đoạn: 2021-2025

(4) Lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc (Đang thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025

(5) Lập đề án chương trình phát triển đô thị (Đang thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 21,31 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm theo)

3.1.7. Chương trình đầu tư hạ tầng đô thị

- (1) Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu 6, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập (Đang thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025
- (2) Cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu Giai đoạn: 2021-2025
- (3) Khu đô thị mới phía Đông 1 (Đang thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025 (vốn NNS)
- (4) Khu tái định cư cải tạo nâng cấp quốc lộ 4B (khu đô thị phía Đông 2) (Đang thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025 (ngân sách nhà nước)
- (5) Khu đô thị phía Đông 3 (Đang thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025 (vốn NNS)
- (6) Các khu đô thị mới thị trấn Đình Lập. Giai đoạn: 2026-2030. (NNS)
- (7) Khu đô thị mới phía Tây Bắc gần công viên cây xanh trung tâm. Giai đoạn: 2026-2030. (NNS)
- (8) Khu đô thị và đường kết nối đường chánh QL4B. Giai đoạn: 2026-2030 (NNS)
- (9) Khu nhà ở xã hội. Giai đoạn: 2026-2030. (NNS)

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 4.594,43 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm theo).

- Công trình hành chính công:

- (1) Cải tạo, mở rộng các khối cơ quan ban ngành. Giai đoạn: 2021-2035
- (2) Xây mới trụ sở các cơ quan có quỹ đất hạn chế tại Nà Vắt Giai đoạn: 2031-2035
- (3) Bổ sung, xây mới trụ sở công an huyện (Đang thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 13,2 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm theo).

- Giáo dục:

- (1) Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các trường hiện hữu. Giai đoạn: 2021-2035
- (2) Cải tạo mở rộng trung tâm giáo dục thường xuyên. Giai đoạn: 2026-2030
- (3) Bổ sung, xây mới trường THCS (theo QHC). Giai đoạn: 2026-2030
- (4) Bổ sung, xây mới trường Tiểu học (theo QHC). Giai đoạn: 2026-2030
- (5) Bổ sung, xây mới trường mầm non (theo QHC). Giai đoạn: 2026-2030

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 36,96 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm).

- Y tế:

- (1) Mở rộng, cải tạo nâng cấp trung tâm y tế huyện. Giai đoạn: 2021-2025
- (2) Cải tạo, nâng cấp trạm y tế thị trấn Đình Lập (đã thực hiện). Giai đoạn: 2021-2025

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 73,86 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm theo).

- Văn hóa, thể dục thể thao và cây xanh:

- (3) Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập (đang thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025

- (4) Nhà văn hóa, quảng trường Khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập (đang thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025
- (5) Sân vận động, hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập (đang thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025
- (6) Bổ sung, xây mới nhà văn hóa Khu 7. Giai đoạn: 2021-2030.
- (7) Bổ sung xây mới nhà văn hoá khu 8. Giai đoạn: 2026-2030.
- (8) Bổ sung, xây mới các nhà văn hoá tại các khu đô thị, tái định cư. Giai đoạn: 2021-2035.
- (9) Khuôn viên cây xanh Đình Háng – SLấp (đã thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025.
- (10) Xây dựng công viên cây xanh vui chơi giải trí phía Tây Bắc thị trấn. Giai đoạn: 2031-2035. (NNS)
- (11) Khu công viên cây xanh tại khu đô thị phía Đông. Giai đoạn: 2026-2030. (NNS)

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021 - 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 149,93 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm theo).

• Thương mại dịch vụ:

- (1) Cải tạo, nâng cấp chợ trung tâm thị trấn Đình Lập. Giai đoạn: 2021-2035.
- (2) Bổ sung, xây mới chợ khu đô thị phía Đông. Giai đoạn: 2021-2025.
- (3) Bổ sung, xây mới trung tâm thương mại. Giai đoạn: 2031-2035. Vốn NNS
- (4) Bổ sung, xây mới công trình nhà hàng, khách sạn tại khu trung tâm văn hoá thể thao. Giai đoạn: 2026-2030. Vốn NNS
- (5) Bổ sung, xây mới khu thương mại dịch vụ trung tâm thị trấn (ngã tư giao QL31 và QL4B) Giai đoạn: 2031-2035. Vốn NNS

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2030 và định hướng đến năm 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 39,5 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm theo).

• Dự án phát triển du lịch:

- (1) Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ Khuổi In (đang nghiên cứu thu hút đầu tư) Giai đoạn: 2021-2030.

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2030 và định hướng đến năm 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 1.169 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm theo).

• Các dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp, bến bãi:

- (1) Cụm công nghiệp Đình Lập. Giai đoạn: 2021-2025 (677,306 tỷ theo QĐ số 666/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc thành lập Cụm công nghiệp Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn).
- (2) Cụm công nghiệp Bình Chương Giai đoạn: 2031-2035

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2030 và định hướng đến năm 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 1.312,31 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm theo).

3.1.8. Chương trình đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị

a. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông.

- Xây dựng đường tránh phía Nam Quốc Lộ 4B đi qua thị trấn Đình Lập

- Xây mới quốc lộ 4B đoạn tránh qua thị trấn đạt cấp III MN; Giai đoạn: 2026-2030
- Nâng cấp quốc lộ 31 đoạn qua thị trấn đạt cấp III MN; Giai đoạn: 2026-2030
- Xây dựng tuyến tránh quốc lộ 31 đoạn qua thị trấn đạt cấp IV MN. Giai đoạn: 2026-2030
- Hoàn thiện và nâng cấp trạm dừng nghỉ Đình Lập đạt tối thiểu loại 3. Giai đoạn: 2026-2030. (NNS)
- Xây mới bến xe Đình Lập đạt loại 4. Giai đoạn: 2021-2025. (NNS)
- Xây dựng hệ thống các bãi đỗ xe thị trấn Đình Lập. Giai đoạn: 2021-2035. (NNS)
- Nâng cấp và xây mới hệ thống đường nội thị của thị trấn Đình Lập. Giai đoạn: 2021-2035. (NS)
- Đường nội thị kéo dài kết nối khu tái định cư dự án QL4B. Giai đoạn: 2026-2030.

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021 - 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 513,02 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm)

b. Xây dựng hệ thống thoát nước mưa

- Cải tạo hệ thống mương và cống hộp đảm bảo thoát nước mặt thị trấn. Giai đoạn: 2021-2035.
- Xây dựng hệ thống kè các suối trong khu vực thị trấn (suối Đình Lập, Khuổi In,...). Giai đoạn: 2026-2035.

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021- 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 90 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm)

c. Xây dựng hệ thống cấp nước đô thị

- Nâng cấp, cải tạo trạm cấp nước. Giai đoạn: 2021-2035.
- Mở rộng mạng lưới đường cấp nước chính cho các khu đô thị mới. Giai đoạn: 2021-2035.
- Xây dựng mới các trụ cứu hỏa theo mạng lưới cấp nước mở rộng. Giai đoạn: 2021-2035.

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021 – 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 44 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm).

d. Xây dựng hệ thống cấp điện đô thị

- Cải tạo và xây dựng mới các trạm biến áp trung thế theo các khu dân cư và khu đô thị mới. Giai đoạn: 2021-2035. (NNS)
- Cải tạo hệ thống điện trung thế, hạ thế và chiếu sáng đảm bảo mỹ quan đô thị (khuyến khích hạ ngầm các tuyến điện trên các phố chính của thị trấn). chiều dài khoảng 5km. Giai đoạn: 2021-2035. (NNS)
- Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đường giao thông chính và chiếu sáng ngõ hẻm. Giai đoạn: 2021-2035. (NNS)

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021 - 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 35 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm)

e. *Xây dựng hệ thống thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang*

- Bổ sung, xây mới mạng lưới thoát nước thải riêng. (Đang thực hiện). Giai đoạn: 2021-2035.
- Bổ sung, xây mới trạm xử lý nước thải. (Đang thực hiện). Giai đoạn: 2021-2035.
- Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập. Giai đoạn: 2021-2025
- Cải tạo, đổi mới công nghệ xử lý chất thải rắn. Giai đoạn: 2021-2035.
- Cải tạo nghĩa trang nhân dân thị trấn. Giai đoạn: 2021-2035.

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021- 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 79,82 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm)

f. *Xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông*

- Nâng cấp trạm viễn thông Đình Lập. Giai đoạn: 2021-2035. (NNS)
- Xây dựng và lắp đặt thiết bị trạm thu phát sóng (BTS). Giai đoạn: 2021-2035.(NNS)
- Xây dựng mạng lưới cáp thông tin. Giai đoạn: 2021-2035. (NNS)
- Xây dựng hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm hành chính công. Giai đoạn: 2021-2035. (NS)

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 23 tỷ đồng (Bảng tính toán kèm).

3.2. Các dự án thiết yếu cần đầu tư phục vụ phát triển đô thị

Các dự án thiết yếu cần đầu tư phục vụ phát triển đô thị bao gồm các chương trình, quy hoạch, các dự án hạ tầng khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nhằm kết nối các khu vực phát triển đô thị với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực.

3.2.1. Kế hoạch hoàn thiện các tiêu chí phát triển đô thị

Tên đề án	Kế hoạch triển khai		
	2021-2025	2026-2030	2031-2035
Chương trình phát triển đô thị thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035.	Hoàn thiện tiêu chí chưa đạt tối đa, giảm tiêu chí chưa đạt tối thiểu	Phấn đấu toàn bộ đạt tất cả tiêu chí đô thị loại V, không còn tiêu chí chưa đạt tối thiểu, tăng tiêu chí vượt mức tối đa.	Phấn đấu đạt tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV

3.2.2. Các dự án chiến lược

Là các dự án cần ưu tiên đầu tư bao gồm các dự án hạ tầng khung diện rộng, các công trình đầu mối đảm bảo kết nối hệ thống các khu vực phát triển đô thị, các dự án công trình hạ tầng xã hội cốt yếu, các dự án hạ tầng kinh tế tạo động lực phát triển đô thị và thu hút dân cư.

Bảng tổng hợp các dự án hạ tầng khung, công trình đầu mối và các dự án hạ tầng kinh tế phát triển đô thị

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD
A	CÁC DỰ ÁN KỸ THUẬT HẠ TẦNG KHUNG		
A1	Dự án giao thông		
1	Xây dựng đường tránh phía Nam Quốc Lộ 4B đi qua thị trấn Đình Lập	7,2km	2026-2030
2	Nâng cấp quốc lộ 4B đoạn tránh thị trấn Đình Lập đạt cấp III MN	1,9km	2021-2025
3	Xây dựng quốc lộ 31 đoạn qua thị trấn Đình Lập đạt cấp III MN	1km	2026-2030
4	Xây dựng quốc lộ 31 đoạn tránh qua thị trấn Đình Lập đạt cấp IV MN	Khoảng 4km	2026-2030
5	Hòa thiện và nâng cấp trạm dừng nghỉ Đình Lập đạt tối thiểu loại 3	3.000 m ²	2026-2030
6	Xây mới bến xe Đình Lập đạt loại 4	>5.000 m ²	2021-2025
7	Xây dựng hệ thống các bãi đỗ xe thị trấn Đình Lập		2021-2035
8	Nâng cấp và xây mới hệ thống đường nội thị của thị trấn Đình Lập		2021-2035
9	Đường nội thị kéo dài kết nối khu tái định cư dự án QL4B	0,5 km	2026-2030
A2	Dự án san nền, thoát nước mưa		
1	Cải tạo hệ thống mương và cống hộp đảm bảo thoát nước mặt thị trấn		2021-2035
2	Xây dựng hệ thống kè các suối trong khu vực thị trấn (suối Đình Lập, Suối Khuổi in,...)		2026-2035
A3	Dự án cấp điện		
1	Cải tạo và xây dựng mới các trạm biến áp trung thế theo các khu dân cư và khu đô thị mới	10 trạm	2021-2035
2	Cải tạo hệ thống điện trung thế, hạ thế	5km	2021-2035
3	Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đường giao thông chính và chiếu sáng ngõ hẻm		2021-2035
A4	Dự án cấp nước		
1	Nâng cấp, cải tạo trạm cấp nước	1200 hộ	2021-2035
2	Mở rộng mạng lưới đường cấp nước chính cho các đô thị mới		2021-2035
3	Xây dựng các trụ cứu hỏa theo mạng lưới cấp nước mở rộng	2.000 m ³	2021-2035
A5	Dự án thoát nước thải, xử lý CTR và nghĩa trang		
1	Bổ sung, xây mới mạng lưới thoát nước thải riêng	3000m	2021-2035
2	Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập	560m ³ /ng	2021-2025
3	Bổ sung, xây mới trạm xử lý nước thải	1800m ³ /ngđ	2021-2035

4	Cải tạo, đổi mới công nghệ xử lý chất thải rắn		2021-2035
5	Cải tạo nghĩa trang nhân dân thị trấn		2021-2035
A6	Dự án công nghệ thông tin		
1	Nâng cấp và xây dựng mới trạm viễn thông và trạm thu phát sóng		2021-2035
2	Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng, số hoá cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện		2021-2035
B	CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI CẤP ĐÔ THỊ	Quy mô	Giai đoạn XD
B1	Công trình văn hóa - thể thao		
1	Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập		2021-2025
2	Nhà văn hóa, quảng trường Khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập		2021-2025
3	Sân vận động, hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập		2021-2025
4	Bổ sung, xây mới nhà văn hóa Khu 7		2021-2025
5	Bổ sung xây mới nhà văn hóa Khu 8		2026-2030
6	Bổ sung xây mới các nhà văn hóa tại các khu đô thị, tái định cư		2021-2035
7	Khuôn viên cây xanh Đình Háng - SLấp		2021-2025
8	Xây dựng công viên cây xanh vui chơi giải trí phía Tây Bắc thị trấn	13,5 ha	2031-2035
9	Công viên cây xanh	1,5 ha	2026-2030
B2	Công trình thương mại dịch vụ		
1	Cải tạo, nâng cấp chợ trung tâm thị trấn Đình lập	1,07 ha	2021-2035
2	Bổ sung, xây mới chợ khu đô thị phía Đông	4,01 ha	2021-2025
3	Bổ sung, xây mới trung tâm thương mại		2031-2035
4	Bổ sung, xây mới công trình nhà hàng, khách sạn tại trung tâm văn hóa thể thao		2026-2030
5	Bổ sung xây mới khu thương mại dịch vụ trung tâm thị trấn (ngã tư giao QL31 và QL4B)		2031-2035
B3	Công trình giáo dục		
1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các trường hiện hữu		2021-2035
2	Cải tạo mở rộng trung tâm giáo dục thường xuyên		2026-2030
3	Bổ sung, xây mới trường THCS		2026-2030
4	Bổ sung, xây mới trường tiểu học		2026-2030
5	Bổ sung, xây mới trường mầm non	0,5 ha	2026-2030
B4	Công trình cơ quan hành chính		
1	Cải tạo, mở rộng các khối cơ quan ban ngành		2021-2035
2	Xây mới trụ sở các cơ quan có quỹ đất hạn chế tại Nà Vát	2,24 ha	2031-2035
3	Bổ sung, xây mới trụ sở công an huyện		2021-2025
B5	Công trình y tế		

1	Mở rộng, cải tạo nâng cấp trung tâm y tế huyện	1,45 ha	2021-2025
2	Cải tạo nâng cấp trạm y tế thị trấn Đình Lập		2021-2025
C	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, LẬP QUY HOẠCH	Quy mô	Giai đoạn XD
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn		2021-2025
2	Thiết kế đô thị cho các trục đường phố chính tại thị trấn		2021-2025
3	Quy hoạch chi tiết khu dân cư hiện hữu		2021-2025
4	Lập đề án chương trình phát triển đô thị		2021-2025
5	Lập quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc		2021-2025
D	CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KINH TẾ		
D1	Xây dựng hạ tầng khu đô thị		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu 6, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập	1,25 ha	2021-2025
2	Cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu		2021-2025
3	Khu đô thị mới phía Đông 1		2021-2025
4	Khu tái định cư cải tạo nâng cấp QL4B (khu đô thị phía Đông 2)		2021-2025
5	Khu đô thị phía Đông 3		2021-2025
6	Các khu đô thị mới thị trấn Đình Lập	5 ha	2026-2030
7	Khu đô thị mới phía Bắc gần công viên cây xanh trung tâm	3 ha	2026-2030
8	Khu đô thị và đường kết nối đường chánh QL4B	4,7 ha	2026-2030
9	Khu nhà ở xã hội	3,5 ha	2026-2030
D2	Dự án phát triển du lịch		
1	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ Khuổi In phía Bắc thị trấn	50 ha	2021-2030
D3	Các dự án khu CN, Cụm CN, bến bãi		
1	Cụm công nghiệp Đình Lập	71,39 ha	2021-2025
2	Cụm công nghiệp Bình Chương	70 ha	2026-2030

3.2.3. Tổng hợp kinh phí, cơ cấu nguồn vốn triển khai thực hiện

Bảng tổng hợp nhu cầu vốn phát triển đô thị (giai đoạn 2021-2035). Đơn vị: tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng nhu cầu vốn	Tỷ lệ %	Nhu cầu vốn 2021-2025	Nhu cầu vốn 2025-2030	Nhu cầu vốn 2031-2035
A	CÁC DỰ ÁN KỸ THUẬT HẠ TẦNG KHUNG	951,84	11,38	186,75	621,59	143,50
B	CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI CẤP ĐÔ THỊ	313,45	3,75	233,17	43,10	37,18
C	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, LẬP QUY HOẠCH	21,31	0,25	21,31	0,00	0,00
D	CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KINH TẾ	7.075,74	84,61	1.451,74	5.624,00	0,00
I	TỔNG CỘNG	8.362,33	100,00	1.892,97	6.288,69	180,68

3.2.4. Tổng hợp nhu cầu vốn

Để thực hiện các dự án đề ra cần phải xác định vốn đầu tư cho từng dự án phù hợp với các định hướng quy hoạch theo từng giai đoạn phát triển.

Nhu cầu vốn phát triển các đô thị được xác định trên cơ sở khái toán kinh phí các hạng mục cần đầu tư xây dựng. Khái toán kinh phí không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí hỗ trợ, bố trí tái định cư, chi phí đánh giá tác động môi trường cho các dự án và xử lý những tác động của dự án đến môi trường (nếu có); chi phí gia cố đặc biệt về nền móng công trình (nếu có).

Một số dự án xác định nhu cầu vốn đầu tư theo chương trình UBND tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành danh mục dự án kêu gọi, thu hút đầu tư của tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030 và định hướng đến năm 2035, các quyết định phê duyệt dự án đầu tư trên địa bàn.

Nhu cầu vốn phát triển đô thị bao gồm vốn cho các chương trình, quy hoạch, vốn xây dựng hệ thống hạ tầng khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nhằm kết nối các khu vực phát triển đô thị với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực, vốn thực hiện các dự án hạ tầng kinh tế phát triển đô thị.

Tổng nhu cầu vốn phục vụ phát triển đô thị Đình Lập đến năm 2035 là khoảng 8.362,33 tỷ đồng, trong đó:

- Giai đoạn 1: 2021-2025 là: 1.892,97 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2: 2026-2030 là: 6.288,69 tỷ đồng.
- Giai đoạn 3: 2031-2035 là: 180,68 tỷ đồng.

Bảng chi tiết nhu cầu vốn các dự án.

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Tổng nhu cầu vốn 2021-2035 (tỷ đồng)	Nhu cầu vốn năm 2021-2025	Nhu cầu vốn năm 2026-2030	Nhu cầu vốn năm 2031-2035
A	CÁC DỰ ÁN KỸ THUẬT HẠ TẦNG KHUNG			951,84	186,75	621,59	143,50
A1	Dự án giao thông			513,02	109,35	533,67	40,00
1	Xây dựng đường tránh phía Nam Quốc Lộ 4B đi qua thị trấn Đình Lập	7,2km	2026-2030	170,00	0,00	170,00	0,00
2	Nâng cấp quốc lộ 4B đoạn tránh thị trấn Đình Lập đạt cấp III MN	1,9km	2021-2025	55,00	55,00	0,00	0,00
3	Xây dựng quốc lộ 31 đoạn qua thị trấn Đình Lập đạt cấp III MN	1km	2026-2030	20,00	0,00	20,00	0,00
4	Xây dựng tuyến tránh QL31 đoạn qua thị trấn đạt cấp IV MN	khoảng 4km	2026-2030	200,00	0,00	200,00	0,00
5	Hòa thiện và nâng cấp trạm dừng nghỉ Đình Lập đạt tối thiểu loại 3	3.000 m ²	2026-2030	35,00	0,00	35,00	0,00
6	Xây mới bến xe Đình Lập đạt loại 3	>5.000 m ²	2021-2025	10,00	10,00	0,00	0,00
7	Xây dựng hệ thống các bãi đỗ xe thị trấn Đình Lập		2021-2035	15,00	5,00	5,00	5,00
8	Nâng cấp và xây mới hệ thống đường nội thị của thị trấn Đình Lập		2021-2035	168,02	39,35	93,67	35,00
9	Đường nội thị kéo dài kết nối khu tái định cư dự án QL4B	0,5 km	2026-2030	10,00	0,00	10,00	0,00
A2	Dự án san nền, thoát nước mưa			90,00	10,00	38,00	42,00
1	Cải tạo hệ thống mương và cống hộp đảm bảo thoát nước mặt thị trấn		2021-2035	30,00	10,00	8,00	12,00
2	Xây dựng hệ thống kè các suối trong khu vực thị trấn (suối Đình Lập, Suối Khuổi in,...)		2026-2035	60,00		30,00	30,00
A3	Dự án cấp điện			35,00	7,00	11,00	17,00

1	Cải tạo và xây dựng mới các trạm biến áp trung thế theo các khu dân cư và khu đô thị mới	10 trạm	2021-2035	14,00	2,00	4,00	8,00
2	Cải tạo hệ thống điện trung tế, hạ thế	5km	2021-2035	6,00	2,00	2,00	2,00
3	Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đường giao thông chính và chiếu sáng ngõ hẻm		2021-2035	15,00	3,00	5,00	7,00
A4	Dự án cấp nước			44,00	18,00	13,00	13,00
1	Nâng cấp, cải tạo trạm cấp nước	1200 hộ	2021-2035	3,00	1,00	1,00	1,00
2	Mở rộng mạng lưới đường cấp nước chính cho các đô thị mới		2021-2035	21,00	7,00	7,00	7,00
3	Xây dựng các trụ cứu hỏa theo mạng lưới cấp nước mở rộng	2.000 m ³	2021-2035	20,00	10,00	5,00	5,00
A5	Dự án thoát nước thải, xử lý CTR và nghĩa trang			79,82	35,40	21,42	23,00
1	Bổ sung, xây mới mạng lưới thoát nước thải riêng	3000m	2021-2030	8,84	4,42	4,42	
2	Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập	560m ³ /ng	2021-2025	14,98	14,98		
3	Bổ sung, xây mới trạm xử lý nước thải	1800m ³ /ngđ	2021-2035	37,00	11,00	11,00	15,00
4	Cải tạo, đổi mới công nghệ xử lý chất thải rắn		2021-2035	9,00	3,00	3,00	3,00
5	Cải tạo nghĩa trang nhân dân thị trấn		2021-2035	10,00	2,00	3,00	5,00
A6	Dự án công nghệ thông tin			23,00	7,00	6,00	10,00
1	Nâng cấp và xây dựng mới trạm viễn thông và trạm thu phát sóng		2021-2035	10,00	2,00	3,00	5,00
2	Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng, số hoá cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện		2021-2035	13,00	5,00	3,00	5,00
B	CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI CẤP ĐÔ THỊ	Quy mô	Giai đoạn XD	313,45	233,17	43,10	37,18
B1	Công trình văn hóa - thể thao			149,93	138,08	5,87	5,98

1	Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập		2021-2025	44,71	44,71		
2	Nhà văn hóa, quảng trường Khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập		2021-2025	44,80	44,80		
3	Sân vận động, hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập		2021-2025	44,20	44,20		
4	Bổ sung, xây mới nhà văn hóa Khu 7		2021-2025	0,37	0,37		
5	Bổ sung xây mới nhà văn hóa Khu 8		2026-2030	0,37		0,37	
6	Bổ sung xây mới các nhà văn hóa tại các khu đô thị, tái định cư		2021-2035	13,00	3,00	5,00	5,00
7	Khuôn viên cây xanh Đình Háng - Sông Lấp		2021-2025	1,00	1,00		
8	Xây dựng công viên cây xanh vui chơi giải trí phía Tây Bắc thị trấn	13,5 ha	2031-2035	0,98			0,98
9	Công viên cây xanh	1,5 ha	2026-2030	0,50		0,50	
B2	Công trình thương mại dịch vụ			39,50	5,50	15,00	19,00
1	Cải tạo, nâng cấp chợ trung tâm thị trấn Đình lập	1,07 ha	2021-2035	17,00	5,00	5,00	7,00
2	Bổ sung, xây mới chợ khu đô thị phía Đông	4,01 ha	2021-2025	0,50	0,50		
3	Bổ sung, xây mới trung tâm thương mại		2031-2035	5,00			5,00
4	Bổ sung, xây mới công trình nhà hàng, khách sạn tại trung tâm văn hóa thể thao		2026-2030	10,00		10,00	
5	Bổ sung xây mới khu thương mại dịch vụ trung tâm thị trấn (ngã tư giao QL31 và QL4B)		2031-2035	7,00			7,00
B3	Công trình giáo dục			36,96	13,23	21,73	2,00
1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các trường hiện hữu		2021-2035	4,00	1,00	1,00	2,00
2	Cải tạo mở rộng trung tâm giáo dục thường xuyên		2026-2030	4,00		4,00	
3	Bổ sung, xây mới trường THCS		2026-2030	11,46	5,73	5,73	
4	Bổ sung, xây mới trường tiểu học		2026-2030	13,00	6,50	6,50	
5	Bổ sung, xây mới trường mầm non	0,5 ha	2026-2030	4,50		4,50	

B4	Công trình cơ quan hành chính			13,20	2,50	0,50	10,20
1	Cải tạo, mở rộng các khối cơ quan ban ngành		2021-2035	1,50	0,50	0,50	0,50
2	Xây mới trụ sở các cơ quan có quỹ đất hạn chế tại Nà Vát	2,24 ha	2031-2035	9,70			9,70
3	Bổ sung, xây mới trụ sở công an huyện		2021-2025	2,00	2,00		
B5	Công trình y tế			73,86	73,86		
1	Mở rộng, cải tạo nâng cấp trung tâm y tế huyện	1,45 ha	2021-2025	58,86	58,86		
2	Cải tạo nâng cấp trạm y tế thị trấn Đình Lập		2021-2025	15,00	15,00		
C	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, LẬP QUY HOẠCH	Quy mô	Giai đoạn XD	21,31	21,31		
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn		2021-2025	3,78	3,78		
2	Thiết kế đô thị cho các trục đường phố chính tại thị trấn		2021-2025	5,00	5,00		
3	Quy hoạch chi tiết khu dân cư hiện hữu		2021-2025	10,00	10,00		
4	Lập đề án chương trình phát triển đô thị		2021-2025	0,53	0,53		
5	Lập quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc		2021-2025	2,00	2,00		
D	CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KINH TẾ			7.075,74	1.451,74	5.624,00	0,00
D1	Xây dựng hạ tầng khu đô thị			4.594,43	274,43	4.320,00	0,00
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu 6, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập	1,25 ha	2021-2025	12,43	12,43		
2	Cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu		2021-2025	7,00	7,00		
3	Khu đô thị mới phía Đông 1		2021-2025				
4	Khu tái định cư cải tạo nâng cấp QL4B (khu đô thị phía Đông 2)		2021-2025	255,00	255,00		
5	Khu đô thị phía Đông 3		2021-2025				
6	Các khu đô thị mới thị trấn Đình Lập	5 ha	2026-2030	1.320,00		1.320,00	
7	Khu đô thị mới phía Bắc gần công viên cây xanh trung tâm	3 ha	2026-2030	720,00		720,00	
8	Khu đô thị và đường kết nối đường chánh QL4B	4,7 ha	2026-2030	1.200,00		1.200,00	

9	Khu nhà ở xã hội	3,5 ha	2026-2030	1.080,00		1.080,00	
D2	Dự án phát triển du lịch			1.169,00	500,00	669,00	0,00
1	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ Khuổi In phía Bắc thị trấn	50 ha	2021-2030	1.169,00	500,00	669,00	
D3	Các dự án khu CN, Cụm CN, bến bãi			1.312,31	677,31	635,00	0,00
1	Cụm công nghiệp Đình Lập	71,39 ha	2021-2025	677,31	677,31		
2	Cụm công nghiệp Bình Chương	70 ha	2026-2030	635,00		635,00	

3.2.5. Kế hoạch phân bổ vốn - cơ cấu nguồn vốn:

Dự kiến tổng nhu cầu phân bổ nguồn vốn thực hiện chương trình phát triển đô thị Đình Lập giai đoạn 2021-2035 là **8.362,33** tỷ đồng.

- Vốn ngân sách: **1.017,59** tỷ đồng

- Vốn ngoài ngân sách: **7.344,74** tỷ đồng.

Dự kiến cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2035

Đơn vị: tỷ đồng

ST T	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Tổng nhu cầu vốn 2021-2035 (tỷ đồng)	Nhu cầu vốn 2021-2025			Nhu cầu vốn 2026-2030			Nhu cầu vốn 2031-2035		
					Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS
A	CÁC DỰ ÁN KỸ THUẬT HẠ TẦNG KHUNG			951,84	186,75	133,3₃	53,42	621,59	444,6₇	176,92	143,5₀	96,0₀	47,5₀
A1	Dự án giao thông			513,02	109,35	94,35	15,00	533,67	393,6₇	140,00	40,00	35,0₀	5,00
1	Xây dựng đường tránh phía Nam Quốc Lộ 4B đi qua thị trấn Đình Lập	7,2km	2026-2030	170,00	0,00			170,00	170,0 ₀		0,00		
2	Nâng cấp quốc lộ 4B đoạn tránh thị trấn Đình Lập đạt cấp III MN	1,9km	2021-2025	55,00	55,00	55,00		0,00			0,00		
3	Xây dựng quốc lộ 31 đoạn qua thị trấn Đình Lập đạt cấp III MN	1km	2026-2030	20,00	0,00			20,00	20,00		0,00		
4	Xây dựng tuyến tránh QL31 đoạn qua thị trấn đạt cấp IV MN	khoảng 4km	2026-2030	200,00	0,00			200,00	100,0 ₀	100,00	0,00		
5	Hòa thiện và nâng cấp trạm dừng nghỉ Đình Lập đạt tối thiểu loại 3	3.000 m ²	2026-2030	35,00	0,00			35,00		35,00	0,00		
6	Xây mới bến xe Đình Lập đạt loại	>5.000 m ²	2021-	10,00	10,00		10,00	0,00			0,00		

	3		2025										
7	Xây dựng hệ thống các bãi đỗ xe thị trấn Đình Lập		2021-2035	15,00	5,00		5,00	5,00		5,00	5,00		5,00
8	Nâng cấp và xây mới hệ thống đường nội thị của thị trấn Đình Lập		2021-2035	168,02	39,35	39,35		93,67	93,67		35,00	35,00	
9	Đường nội thị kéo dài kết nối khu tái định cư dự án QL4B	0,5 km	2026-2030	10,00	0,00			10,00	10,00		0,00		
A2	Dự án san nền, thoát nước mưa			90,00	10,00	10,00	0,00	38,00	38,00	0,00	42,00	42,00	0,00
1	Cải tạo hệ thống mương và công hộp đảm bảo thoát nước mặt thị trấn		2021-2035	30,00	10,00	10,00		8,00	8,00		12,00	12,00	
2	Xây dựng hệ thống kè các suối trong khu vực thị trấn (suối Đình Lập, Suối Khuổi in,...)		2026-2035	60,00				30,00	30,00		30,00	30,00	
A3	Dự án cấp điện			35,00	7,00	0,00	7,00	11,00	0,00	11,00	17,00	0,00	17,00
1	Cải tạo và xây dựng mới các trạm biến áp trung thế theo các khu dân cư và khu đô thị mới	10 trạm	2021-2035	14,00	2,00		2,00	4,00		4,00	8,00		8,00
2	Cải tạo hệ thống điện trung thế, hạ thế	5km	2021-2035	6,00	2,00		2,00	2,00		2,00	2,00		2,00
3	Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đường giao thông chính và chiếu sáng ngõ hẻm		2021-2035	15,00	3,00		3,00	5,00		5,00	7,00		7,00
A4	Dự án cấp nước			44,00	18,00	0,00	18,00	13,00	0,00	13,00	13,00	0,00	13,00
1	Nâng cấp, cải tạo trạm cấp nước	1200 hộ	2021-2035	3,00	1,00		1,00	1,00		1,00	1,00		1,00
2	Mở rộng mạng lưới đường cấp nước chính cho các đô thị mới		2021-2035	21,00	7,00		7,00	7,00		7,00	7,00		7,00

3	Xây dựng các trụ cứu hỏa theo mạng lưới cấp nước mở rộng	2.000 m3	2021-2035	20,00	10,00		10,00	5,00		5,00	5,00		5,00
A5	Dự án thoát nước thải, xử lý CTR và nghĩa trang			79,82	35,40	23,98	11,42	19,92	10,00	9,92	21,50	14,00	7,50
1	Bổ sung, xây mới mạng lưới thoát nước thải riêng	3000m	2021-2030	8,84	4,42		4,42	4,42		4,42			
2	Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập	560m3/ng	2021-2025	14,98	14,978	14,978							
3	Bổ sung, xây mới trạm xử lý nước thải	1800m3/ngđ	2021-2035	37,00	11,00	5,50	5,50	11,00	5,50	5,50	15,00	7,50	7,50
4	Cải tạo, đổi mới công nghệ xử lý chất thải rắn		2021-2035	9,00	3,00	1,50	1,50	1,50	1,50		1,50	1,50	
5	Cải tạo nghĩa trang nhân dân thị trấn		2021-2035	10,00	2,00	2,00		3,00	3,00		5,00	5,00	
A6	Dự án công nghệ thông tin			23,00	7,00	5,00	2,00	6,00	3,00	3,00	10,00	5,00	5,00
1	Nâng cấp và xây dựng mới trạm viễn thông và trạm thu phát sóng		2021-2035	10,00	2,00		2,00	3,00		3,00	5,00		5,00
2	Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng, số hoá cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện		2021-2035	13,00	5,00	5,00		3,00	3,00		5,00	5,00	
B	CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI CẤP ĐỘ THỊ	Quy mô	Giai đoạn XD	313,45	233,17	232,84	0,33	43,10	32,84		37,18	25,18	
B1	Công trình văn hóa - thể thao			149,93	138,08	138,01	0,07	5,87	5,87	0,00	5,98	5,98	0,00
1	Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập		2021-2025	44,71	44,71	44,71							

2	Nhà văn hóa, quảng trường Khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập		2021-2025	44,80	44,80	44,80							
3	Sân vận động, hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm văn hóa, thể thao và dân cư huyện Đình Lập		2021-2025	44,20	44,20	44,20							
4	Bổ sung, xây mới nhà văn hóa Khu 7		2021-2025	0,37	0,37	0,30	0,07						
5	Bổ sung xây mới nhà văn hóa Khu 8		2026-2030	0,37				0,37	0,37				
6	Bổ sung xây mới các nhà văn hóa tại các khu đô thị, tái định cư		2021-2035	13,00	3,00	3,00		5,00	5,00		5,00	5,00	
7	Khuôn viên cây xanh Đình Háng - Sông Lấp		2021-2025	1,00	1,00	1,00							
8	Xây dựng công viên cây xanh vui chơi giải trí phía Tây Bắc thị trấn	13,5 ha	2031-2035	0,98							0,98	0,98	
9	Công viên cây xanh	1,5 ha	2026-2030	0,50				0,50	0,50				
B2	Công trình thương mại dịch vụ			39,50	5,50	5,50	0,00	15,00	5,00	10,00	19,00	7,00	12,00
1	Cải tạo, nâng cấp chợ trung tâm thị trấn Đình lập	1,07 ha	2021-2035	17,00	5,00	5,00		5,00	5,00		7,00	7,00	
2	Bổ sung, xây mới chợ khu đô thị phía Đông	4,01 ha	2021-2025	0,50	0,50	0,50							
3	Bổ sung, xây mới trung tâm thương mại		2031-2035	5,00							5,00		5,00
4	Bổ sung, xây mới công trình nhà hàng, khách sạn tại trung tâm văn hóa thể thao		2026-2030	10,00				10,00		10,00			
5	Bổ sung xây mới khu thương mại dịch vụ trung tâm thị trấn (ngã tư giao QL31 và QL4B)		2031-2035	7,00							7,00		7,00

B3	Công trình giáo dục			36,96	13,23	12,97	0,26	21,73	21,47	0,26	2,00	2,00	
1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các trường hiện hữu		2021-2035	4,00	1,00	1,00		1,00	1,00		2,00	2,00	
2	Cải tạo mở rộng trung tâm giáo dục thường xuyên		2026-2030	4,00				4,00	4,00				
3	Bổ sung, xây mới trường THCS		2026-2030	11,46	5,73	5,47	0,26	5,73	5,47	0,26			
4	Bổ sung, xây mới trường tiểu học		2026-2030	13,00	6,50	6,50		6,50	6,50				
5	Bổ sung, xây mới trường mầm non	0,5 ha	2026-2030	4,50				4,50	4,50				
B4	Công trình cơ quan hành chính			13,20	2,50	2,50	0,00	0,50	0,50	0,00	10,20	10,20	
1	Cải tạo, mở rộng các khối cơ quan ban ngành		2021-2035	1,50	0,50	0,50		0,50	0,50		0,50	0,50	
2	Xây mới trụ sở các cơ quan có quỹ đất hạn chế tại Nà Vát	2,24 ha	2031-2035	9,70							9,70	9,70	
3	Bổ sung, xây mới trụ sở công an huyện		2021-2025	2,00	2,00	2,00							
B5	Công trình y tế			73,86	73,86	73,86							
1	Mở rộng, cải tạo nâng cấp trung tâm y tế huyện	1,45 ha	2021-2025	58,86	58,86	58,86							
2	Cải tạo nâng cấp trạm y tế thị trấn Đình Lập		2021-2025	15,00	15,00	15,00							
C	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, LẬP QUY HOẠCH	Quy mô	Giai đoạn XD	21,31	21,31	21,31							
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn		2021-2025	3,78	3,78	3,78							
2	Thiết kế đô thị cho các trục đường phố chính tại thị trấn		2021-2025	5,00	5,00	5,00							
3	Quy hoạch chi tiết khu dân cư		2021-	10,00	10,00	10,00							

	hiện hữu		2025										
4	Lập đề án chương trình phát triển đô thị		2021-2025	0,53	0,53	0,53							
5	Lập quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc		2021-2025	2,00	2,00	2,00							
D	CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KINH TẾ			7.075,74	1.451,74	19,43		5.624,00	0,00	5.624,00	0,00	0,00	0,00
D1	Xây dựng hạ tầng khu đô thị			4.594,43	274,43	19,43	255,00	4.320,00	0,00	4.320,00	0,00	0,00	0,00
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu 6, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập	1,25 ha	2021-2025	12,43	12,43	12,43							
2	Cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu		2021-2025	7,00	7,00	7,00							
3	Khu đô thị mới phía Đông 1		2021-2025	255,00	255,00		255,00						
4	Khu tái định cư cải tạo nâng cấp QL4B (khu đô thị phía Đông 2)		2021-2025										
5	Khu đô thị phía Đông 3		2021-2025										
6	Các khu đô thị mới thị trấn Đình Lập	5 ha	2026-2030	1.320,00				1.320,00		1.320,00			
7	Khu đô thị mới phía Bắc gần công viên cây xanh trung tâm	3 ha	2026-2030	720,00				720,00		720,00			
8	Khu đô thị và đường kết nối đường chánh QL4B	4,7 ha	2026-2030	1.200,00				1.200,00		1.200,00			
9	Khu nhà ở xã hội	3,5 ha	2026-2030	1.080,00				1.080,00		1.080,00			
D2	Dự án phát triển du lịch			1.169,00	500,00	0,00	500,00	669,00	0,00	669,00	0,00	0,00	0,00
1	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ Khuổi In phía Bắc thị	50 ha	2021-2030	1.169,00	500,00		500,00	669,00		669,00			

	trần												
D3	Các dự án khu CN, Cụm CN, bên bãi			1.312,3 1	677,31	0,00	677,3 1	635,00	0,00	635,00	0,00	0,00	0,00
1	Cụm công nghiệp Đình Lập	71,39 ha	2021- 2025	677,31	677,31		677,3 1						
2	Cụm công nghiệp Bình Chương	70 ha	2026- 2030	635,00				635,00		635,00			

(Đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật vốn Ngân sách tùy vào mức độ tinh chất, quy mô trong quá trình thực hiện sẽ sử dụng một phần kinh phí ngoài Ngân sách)

3.3. Xây dựng các giải pháp về cơ chế, chính sách thực hiện

3.3.1. Giải pháp về nguồn vốn đầu tư:

a. Về huy động vốn ngân sách Nhà nước

- Ưu tiên nguồn vốn ngân sách tỉnh, đồng thời tích cực với các Bộ, ngành Trung ương để tranh thủ tối đa các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, trái phiếu Chính phủ, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn tín dụng ưu đãi đầu tư.

- Có biện pháp phù hợp để huy động tối đa nguồn vốn từ khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị.

b. Về huy động vốn ngoài ngân sách nhà nước

- Xác định việc sử dụng ngân sách đầu tư phát triển đô thị đúng chỗ, hiệu quả, có tác dụng làm hạt nhân kích thích thu hút đầu tư từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị theo hình thức BOT, PPP.

- Đẩy nhanh thủ tục hành chính trong đầu tư phát triển đô thị, đặc biệt đối với các dự án từ nguồn vốn ngoài ngân sách.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, nhà ở... nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

Để huy động được nguồn vốn đầu tư nói trên cần đẩy mạnh việc huy động tối đa nội lực từ nền kinh tế, đa dạng hoá các hình thức huy động, các hình thức tạo vốn, chú trọng thu hút vốn từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước, tăng cường xã hội hoá y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao, đầu tư cơ sở hạ tầng...; Tích cực thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tranh thủ vốn đầu tư của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước, vốn Ngân sách Trung ương và của tỉnh; Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và các nguồn vốn viện trợ của nước ngoài và các tổ chức phi chính phủ... cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

1. Đẩy mạnh công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch để định hướng và tạo điều kiện thuận lợi trong việc đầu tư xây dựng các dự án

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch. Thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch ngành, vùng theo hướng mở rộng quy mô và phát triển thị trấn, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt, vừa phù hợp với chiến lược phát triển lâu dài, bền vững.

Chú trọng đẩy mạnh công tác lập Phân khu 1/2.000 và quy hoạch 1/500 để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư các dự án. Đẩy mạnh lập quy hoạch chi tiết đô thị theo hướng đảm bảo kiến trúc đô thị của một thị trấn, đồng bộ, văn minh, hiện đại; quy hoạch các khu dân cư, hành chính, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, các trung tâm thương mại, dịch vụ, công viên, các vùng có dự án đầu tư....

Tăng cường quản lý quy hoạch và xây dựng đô thị đúng quy hoạch, đảm bảo kiến trúc đô thị. Thực hiện tốt việc phân cấp quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng đô thị. Tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, quản lý xây dựng cho mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Tổ chức tốt việc công khai quy hoạch để nhân dân tự giác thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

2. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh. Nhất quán trong cơ chế, chính sách thu hút đầu tư để tạo niềm tin cho nhà đầu tư. Phổ biến rộng rãi các quy định về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư của tỉnh và huyện, thị trấn; tiếp tục ban hành các chính sách khuyến khích hỗ trợ đối với một số ngành nghề thực hiện các chương trình phát triển kinh tế của huyện, các chính sách khuyến công, khuyến nông... Tạo môi trường thông thoáng, đơn giản hoá các thủ tục trong đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư.

Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư; đẩy mạnh liên doanh liên kết, hợp tác với các tỉnh, thị trấn trong nước và nước ngoài, để kêu gọi các dự án đầu tư vào huyện. Tạo bước chuyển biến mang tính đột phá trong việc thu hút vốn FDI; tranh thủ và sử dụng có hiệu quả vốn ODA và NGO. Chú trọng cung cấp thông tin, quảng bá những tiềm năng thế mạnh, những cơ hội làm ăn và định hướng phát triển của Tỉnh, của Thị trấn cho những nhà đầu tư.

Tập trung đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng các công trình, dự án phục vụ thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, như: các cụm điểm CN - TTCN, hạ tầng du lịch, nâng cấp các bãi tắm, hệ thống giao thông, điện nước, công trình công cộng, vệ sinh môi trường.... Thực hiện tốt chính sách xây dựng cơ bản, tạo điều kiện thuận lợi khi thuê đất, giải phóng mặt bằng các công trình, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội, quan tâm giải quyết kịp thời các vướng mắc cho nhà đầu tư.

3. Đẩy mạnh xã hội hoá trong đầu tư

Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá theo Nghị quyết 05/NQ-CP ngày 13/01/2014 của Chính phủ đối với các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, văn hoá, thể dục thể thao, y tế và các hoạt động dịch vụ khác, đảm bảo nguyên tắc tăng tỷ lệ xã hội hoá trong cơ cấu nguồn kinh phí và mô hình quản lý.

Huy động các nguồn vốn trong dân và các doanh nghiệp để đầu tư cơ sở hạ tầng, thực hiện các chương trình xã hội hoá đường giao thông quy mô nhỏ, kiên cố hoá kênh mương, lát vỉa hè, cây xanh... và thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của đô thị.

Thực hiện các biện pháp khuyến khích đầu tư, kích cầu sản xuất tiêu dùng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn... để huy động các nguồn lực trong các tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế.

4. Giải pháp về lập quỹ đầu tư để chỉnh trang đô thị:

Huy động từ quỹ đầu tư các đô thị mới khi đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố và vùng phụ cận phải trích khoảng 8-10% quỹ đất cho phép đấu giá lấy tiền để lập quỹ để cải tạo chỉnh trang đô thị.

3.3.2. Giải pháp về cơ chế chính sách:

a. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách đầu tư

- Thực hiện tốt các chính sách kích cầu để khuyến khích nhân dân đầu tư công sức và tiền của vào phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng.

- Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên nguyên tắc phải đầu tư đồng bộ tránh chấp vá dàn trải, kết hợp vừa đầu tư mới và vừa chỉnh trang, duy tu để sử dụng có hiệu quả hạ tầng kỹ thuật hiện có.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, lập các danh mục dự án và cơ chế ưu tiên cụ thể để công khai, mời gọi đầu tư; ưu tiên các dự án

nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống đô thị như đầu tư các khu vui chơi giải trí, xử lý nước thải, rác thải.

- Mở rộng quan hệ hợp tác đầu tư, tăng cường liên doanh liên kết với các huyện trong tỉnh, tỉnh bạn, với các công ty trong nước, ngoài nước trên một số lĩnh vực mà thị trấn có lợi thế, có điều kiện phát triển.

- Mở rộng các hình thức tín dụng, tăng dần vốn vay trung hạn và dài hạn, thực hiện chính sách ưu đãi về lãi suất cho các chương trình, dự án trọng điểm của huyện.

b. Giải pháp về tăng cường và nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư:

Tham gia các hoạt động xúc tiến, vận động đầu tư trong và ngoài nước. Chủ động phối hợp hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh, Thị trấn với các hoạt động ngoại giao, xúc tiến thương mại và du lịch. Chủ động phối hợp và lồng ghép các hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh, Thị trấn với chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

3.3.3. Giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư:

- Giám sát, theo dõi chặt chẽ việc triển khai thực hiện Dự án của Nhà đầu tư theo thỏa thuận thực hiện Dự án: tiến độ, vốn thực hiện,... kiểm tra giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo hộ lao động, bảo vệ môi trường,... tăng cường các biện pháp giám sát kiểm tra về công nghệ, máy móc thiết bị của các dự án ĐTNN. Kiên quyết xử lý những Dự án có vi phạm, đặc biệt là những vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Rà soát, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án có vi phạm nghiêm trọng hoặc không triển khai thực hiện dự án theo quy định.

- Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định tại Giấy CNĐT về huy động vốn và giải ngân. Giám sát chặt chẽ mức vay vốn trong và ngoài nước của nhà đầu tư.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát để ngăn ngừa các nguy cơ xảy ra tranh chấp tại khu vực đầu tư nước ngoài (tranh chấp giữa các cổ đông, thành viên, tranh chấp giữa nhà đầu tư với cơ quan quản lý nhà nước...). Xử lý tốt các tranh chấp đã xảy ra, ưu tiên biện pháp hòa giải, thương lượng.

3.3.4. Giải pháp về quy hoạch và quản lý đô thị

- Thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về quy hoạch và phát triển đô thị; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch xây dựng, đô thị và các quy ngành; lập quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc khu vực theo đồ án quy hoạch; tổ chức cắm mốc theo quy hoạch; ban hành quy định về công nhận các tuyến phố văn minh đô thị...

- Công bố rộng rãi các quy hoạch đã được phê duyệt; phát huy vai trò của cộng đồng dân cư trong thực hiện quy hoạch.

- Quản lý quy hoạch đất đai và đầu tư xây dựng đảm bảo chặt chẽ, bảo vệ nghiêm ngặt cảnh quan môi trường.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về trật tự đô thị và vệ sinh môi trường, tạo ý thức văn minh đô thị cho nhân dân địa phương.

3.3.5. Giải pháp về xây dựng hạ tầng đô thị:

- Tăng tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng ($\geq 16\%$); Tăng mật độ đường giao thông đô thị ($\geq 6 \text{ km/km}^2$). Giải pháp: Tập trung đầu tư xây dựng những dự án công trình giao thông trọng điểm như: đường Quốc lộ, đường tránh, đường nội thị... Cải

tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục chính, đường liên khu, đường khu vực. Xây dựng các bãi đỗ xe, điểm dừng xe, điểm đón trả khách,...Đẩy mạnh thực hiện các dự án để tăng tỷ lệ đất giao thông trong đô thị, đầu tư xây dựng hệ thống giao thông via hè đồng bộ.

- Đẩy nhanh tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình ($\geq 50\%$). Giải pháp: Rà soát, đơn giản hoá quy trình, cắt giảm giấy tờ, thủ tục. Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm nghiệp vụ bảo đảm việc triển khai dịch vụ công trực tuyến đơn giản, thuận lợi. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Nâng cao chỉ số chỉ đạo, điều hành và chất lượng giải quyết thủ tục hành chính thông qua đánh giá mức độ hài lòng của người dân.

- Tăng tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật ($\geq 15\%$). Giải pháp: Xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng cho thị trấn Đình Lập. Trước mắt là đối với các khu đô thị mới cần xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải riêng. Đối với khu vực dân cư hiện hữu sẽ tiến hành cải tạo dần hệ thống thoát nước riêng và tiến tới xây dựng 02 trạm xử lý nước thải theo quy hoạch chung.

- Xây dựng mới nhà tang lễ (1 cơ sở); Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng ($\geq 10\%$). Giải pháp: Khuyến khích xây dựng mới nhà tang lễ của thị trấn, tuy nhiên do tập quán của người dân giai đoạn trước mắt có thể tiến hành cải tạo và xây dựng nhà tang lễ kết hợp với nhà xác của bệnh viện đa khoa huyện Đình Lập. Khuyến khích, vận động và tuyên truyền người dân thấy được lợi ích của việc sử dụng hình thức hỏa táng. Bên cạnh đó có các chính sách hỗ trợ chi phí cần thiết phục vụ hỏa táng cho các đối tượng chính sách, dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa sử dụng hình thức hỏa táng đảm bảo vệ sinh môi trường, tiết kiệm đất. Nghiên cứu, ban hành các quy định bắt buộc về trường hợp người chết mắc bệnh truyền nhiễm có nguy cơ lây nhiễm cao cho cộng đồng hoặc các bệnh khác phải được hỏa táng.

- Nâng cấp cải tạo tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính (%). Xây mới bổ sung công trình xanh (công trình). Giải pháp: Tiến hành xây dựng các tuyến phố văn minh kết nối các khu vực công viên, di tích. (Như trục chính đô thị kết nối qua UBND huyện đến Đình Háng SLấp. Tăng cường trồng thêm cây xanh tại các tuyến phố và các khu cây xanh tập trung để làm thay đổi về cảnh quan kiến trúc đô thị. Phát triển không gian công cộng tạo kiến trúc cảnh quan cho thị trấn, nâng cao chất lượng sống cho người dân.

- Hệ thống chiếu sáng: tiếp tục phát huy và thực hiện công tác xã hội hóa chiếu sáng ngõ hẻm theo mô hình đang thực hiện. Kết hợp với chiếu sáng cảnh quan đô thị tại các tuyến phố Văn Minh.

- Nâng cao hiệu quả cấp nước và tiêu chuẩn cấp nước. Xây dựng mở rộng mạng lưới cấp nước, nâng công suất của nhà máy nước.

PHẦN 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập, các Sở, ngành liên quan tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án thuộc Chương trình và hoàn thiện tiêu chí đô thị loại V (giai đoạn 2021-2025) và hướng tới các tiêu chí chất lượng đô thị loại cao hơn đến năm 2035.

- Phối hợp, hướng dẫn UBND huyện Đình Lập tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình phát triển đô thị thị trấn Đình Lập sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện Chương trình.

- Thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt các quy hoạch, danh mục dự án cần thực hiện đầu tư, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền để triển khai thực hiện Chương trình đến năm 2035 làm cơ sở thu hút các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án phát triển du lịch, thương mại - dịch vụ trên địa bàn.

4.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Trên cơ sở Chương trình phát triển đô thị thị trấn Đình Lập được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất kế hoạch đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng hàng năm, bố trí nguồn vốn trong khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương, các cơ quan liên quan huy động và tổng hợp nguồn lực thực hiện mục tiêu Chương trình; phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách.

- Thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, các dự án thuộc thẩm quyền để triển khai thực hiện Chương trình.

4.3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND huyện Đình Lập trong việc bố trí nguồn vốn hàng năm cho Chương trình phát triển đô thị.

4.4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất, phương án phát triển và Chương trình phát triển đô thị thị trấn Đình Lập được duyệt, phối hợp với UBND huyện Đình Lập rà soát, đối chiếu các số liệu kiểm kê đất đai, kế hoạch sử dụng đất theo lộ trình phát triển đô thị cho từng giai đoạn.

4.5. Sở Văn hóa thể thao Du lịch

- Tăng cường quảng bá, khai thác hiệu quả các phương tiện truyền thông, internet để giới thiệu về các danh lam, thắng cảnh, lễ hội của huyện; tích cực tổ chức các sự kiện du lịch trong và ngoài tỉnh để quảng bá du lịch của huyện.

- Tập trung phát triển các loại hình du lịch như: du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao, du lịch trải nghiệm và du lịch cộng đồng... Xúc tiến đầu tư xây dựng, tôn tạo khu di tích lịch sử văn hóa gắn với lễ hội truyền thống các đình, đền, các di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng có trên địa bàn... Đồng thời xây dựng các sản phẩm du lịch mới. Phối hợp với các cơ quan, nhà đầu tư triển khai thực hiện các Dự án đầu tư đã được phê duyệt.

4.6. Các Sở, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ UBND huyện Đình Lập thực hiện Chương trình phát triển đô thị thị trấn Đình Lập đến năm 2035 đã được phê duyệt.

4.7. UBND huyện Đình Lập

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị thị trấn Đình Lập sau khi UBND tỉnh phê duyệt.

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện Chương trình, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng; chủ động rà soát và đề xuất các biện pháp điều chỉnh, bổ sung để bảo đảm tính hiệu quả của các dự án đầu tư.

- Rà soát năng lực cán bộ, sắp xếp, bố trí cán bộ tham gia thực hiện Chương trình theo chức năng nhiệm vụ để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển đô thị.

- Ban hành, chỉ đạo, tuyên truyền vận động toàn hệ thống chính trị, nhân dân trong huyện triển khai thực hiện tốt Quy chế quản lý kiến trúc đô thị; đẩy mạnh công tác xây dựng và công nhận các tuyến phố văn minh đô thị.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Đình Lập theo chức năng nhiệm vụ được phân cấp, căn cứ danh mục các dự án đầu tư của Chương trình, chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư theo từng giai đoạn và kế hoạch hàng năm để triển khai thực hiện Chương trình.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong khu vực phát triển đô thị; nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi, cơ chế áp dụng đối với hoạt động đầu tư xây dựng trong khu vực phát triển đô thị.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về khu vực phát triển đô thị; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ theo quy định hoặc theo yêu cầu về tình hình thực hiện các dự án đầu tư và kế hoạch thực hiện các dự án phát triển đô thị.

PHẦN 5. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Chương trình phát triển đô thị thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035 đã đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư và dự báo nhu cầu vốn, phân loại các nguồn vốn đầu tư theo các giai đoạn cho các dự án phát triển hạ tầng khung cũng như các dự án phát triển của từng ngành đáp ứng yêu cầu định hướng kế hoạch đầu tư phát triển đô thị, hoạch định các chính sách phát triển, quản lý phát triển đô thị và các hạ tầng phục vụ đô thị. Hướng tới mục tiêu phát triển đô thị hiện đại, hiệu quả và bền vững, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, của tỉnh.

5.2. Kiến nghị

Để chương trình được thực thi và phát huy hiệu quả trong phát triển đô thị phù hợp điều kiện thực tế của huyện, từng ngành, từng lĩnh vực hàng năm và trong mỗi giai

đoạn 5 năm. Đề nghị chính quyền tỉnh, huyện Đình Lập xem xét phê duyệt và cân đối sử dụng vốn ngân sách để đầu tư cho phù hợp, kết nối với các chương trình, dự án vùng và giải pháp cụ thể để tận dụng các thế mạnh từ các dự án đó giải quyết cụ thể các tồn tại hạn chế và bất cập trong phát triển đô thị huyện Đình Lập. Chỉ đạo các ban ngành, chính quyền cấp huyện, thị trấn, các cơ quan chức năng của huyện tiếp tục nghiên cứu và đề xuất cơ chế, chính sách để tạo nguồn vốn thực hiện chương trình phát triển đô thị trong các giai đoạn sau này.